

BAN CƠ BẢN
BỘ MÔN GDTC – GDQP&AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TLTK-GDQPAN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2020

TÀI LIỆU THAM KHẢO
DÙNG CHO HỌC TẬP MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN
NINH: QUÂN SỰ CHUNG; KỸ THUẬT CHIẾN ĐẤU BB VÀ CHIẾN THUẬT

MỤC LỤC

Phần 1

TÀI LIỆU THAM KHẢO PHẦN QUÂN SỰ CHUNG

Trang

1. Chế độ làm việc, sinh hoạt, học tập và công tác.....	2
2. Chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại.....	7
3. Đội ngũ từng người có súng.....	8
4. Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong QĐNDVN.....	14

Phần 2

TÀI LIỆU THAM KHẢO PHẦN KỸ THUẬT CĐBB VÀ CHIẾN THUẬT

1. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng lựu đạn	25
2. Từng người làm nhiệm vụ canh gác	29

Phần 1

TÀI LIỆU THAM KHẢO PHẦN QUÂN SỰ CHUNG

1. Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày trong tuần

Căn cứ thông tư 193/2011/TT-BQP ngày 23/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về ban hành Điều lệnh quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam.

Chương IV

Mục I

PHÂN PHỐI THỜI GIAN

Điều 45. Thời gian làm việc trong tuần, trong ngày

Trong điều kiện bình thường khi đóng quân trong doanh trại, thời gian làm việc và sinh hoạt, nghỉ ngơi trong ngày, trong tuần được phân chia như sau:

1. Mỗi tuần làm việc 5 ngày, từ này thứ 2 đến thứ 6 và nghỉ 02 ngày vào thứ 7 và chủ nhật; nếu nghỉ vào ngày khác trong tuần phải do Tư lệnh Quân khu, Quân chủng, Quân đoàn và tương đương trở lên quy định thống nhất cho đơn vị thuộc quyền.

a) Ngày lễ tết được nghỉ theo quy định của Nhà nước.

b) Quân nhân làm việc vào ngày nghỉ thì được nghỉ bù, thời gian và quyền hạn nghỉ bù do người chỉ huy đại đội và tương đương trở lên quy định.

c) Ngày nghỉ được tổ chức vui chơi, giải trí, hoạt động thể thao, văn hóa văn nghệ, vệ sinh môi trường nhưng phải dành một thời gian nhất định cho quân nhân giải quyết việc riêng.

d) Mỗi ngày làm việc 08 giờ, còn lại là thời gian ngơi nghỉ, sinh hoạt và phải được phân chia cụ thể theo thời gian biểu hàng ngày.

2. Trong điều kiện đặc biệt, thời gian làm việc và nghỉ sẽ có quy định riêng.

Điều 46. Sử dụng các buổi tối trong tuần

1. Tất cả các buổi tối trong tuần (trừ buổi tối trước và trong ngày nghỉ) phải tổ chức học tập hoặc sinh hoạt. Thời gian học tập, sinh hoạt mỗi buổi tối không quá 02 giờ.

2. Những đêm trước ngày nghỉ có thể ngủ muộn hơn, nhưng không quá 23 giờ và hôm sau thức dậy không quá 07 giờ.

Điều 47. Thời gian làm việc của từng mùa

1. Thời gian làm việc theo 02 mùa quy định như sau:

a) Mùa nóng từ ngày 01 tháng 10 đến 31 tháng 4;

b) Mùa lạnh từ ngày 01 tháng 05 đến 31 tháng 09 năm sau.

2. Thời gian biểu làm việc hàng ngày theo từng mùa do Tư lệnh Quân khu, Quân đoàn, Quân chủng và tương đương trở lên quy định.

Mục 2

LÀM VIỆC VÀ SINH HOẠT TRONG NGÀY

Điều 48. Treo quốc kỳ

Các đơn vị cấp Trung đoàn và tương đương trở lên, khi đóng quân cùng trong một doanh trại phải tổ chức treo Quốc kỳ hàng ngày, ở một vị trí trang trọng nhất. Các đại đội, Tiểu đoàn và tương đương khi đóng quân độc lập thì tổ chức treo quốc kỳ trên sân chào cờ, duyệt đội ngũ của đơn vị. Thời gian treo Quốc kỳ lúc 06 giờ, thời gian hạ Quốc kỳ lúc 18 giờ hàng ngày.

Điều 49. Thức dậy

1. Trục chỉ huy và trực ban phải thức dậy trước 10 phút để trực tiếp ra hiệu lệnh báo thức và để kiểm tra đơn đốc mọi quân nhân trong đơn vị dậy đúng giờ.

2. Khi có hiệu lệnh báo thức mọi quân nhân phải dậy ngay, rời khỏi phòng ngủ để ra sân tập thể dục hoặc chuẩn bị để sẵn sàng công tác.

Điều 50. Thể dục sáng

1. Đúng giờ, quy định mọi quân nhân trong đơn vị phải tập thể dục sáng, trừ người làm nhiệm vụ, đau ốm được chỉ huy trực tiếp cho phép.

a) Thời gian tập thể dục là 20 phút.

b) Trang phục tập thể dục do người chỉ huy đơn vị quy định, thống nhất theo thời tiết và điều kiện cụ thể.

2. Nội dung tập thể dục theo hướng dẫn của ngành thể dục, thể thao Quân đội quy định. Trung đội, đại đội và tương đương là cấp đơn vị tổ chức tập thể dục.

3. Tập thể dục có súng phải khám súng trước và sau khi tập.

Điều 51. Kiểm tra sáng

1. Kiểm tra sáng được tiến hành hàng ngày (trừ ngày nghỉ và ngày chào cờ). Tổ chức kiểm tra ở tiểu đội, trung đội và tương đương. Nội dung kiểm tra theo lịch thống nhất trong tuần của đại đội và tương đương. Kiểm tra ở cấp nào do cán bộ chỉ huy cấp đó điều hành. Khi kiểm tra phát hiện sai sót phải sửa ngay.

2. Thời gian kiểm tra 10 phút

Điều 52. Học tập

1. Học tập trong hội trường:

a) Chỉ huy hoặc trực ban lớp học phải kiểm tra quân số, trang phục, chỉ huy bộ đội vào vị trí, hô “ng nghiêm” và báo cáo giáo viên.

Nếu đơn vị có mang theo vũ khí phải tổ chức khám súng trước và quy định nơi giá (đặt) súng;

b) Quân nhân ngồi trong hội trường phải đúng vị trí quy định tập trung tư tưởng, theo dõi nội dung học tập;

Khi ra hoặc vào lớp phải đứng nghiêm xin phép giáo viên. Được phép mới ra hoặc vào lớp;

c) Sau mỗi tiết học hoặc giờ học tập được nghỉ từ 5 đến 10 phút. Hết giờ nghỉ nhanh chóng vào lớp, tiếp tục nghe giảng, giáo viên phải chấp hành đúng thời gian. Nếu giảng quá giờ quy định, phải báo cho người phụ trách lớp và người học biết.

d) Hết giờ học, người phụ trách hoặc trực ban lớp học hô “đứng dậy” và hô “ng nghiêm”, báo cáo giáo viên cho xuống lớp, sau đó chỉ huy bộ đội ra về.

2. Học tập ngoài thao trường:

a) Đi và về phải thành đội ngũ. Thời gian đi và về không tính vào thời gian học tập. Nếu 01 lần đi (về) trên 01 giờ được tính một nửa vào thời gian học tập;

b) Trước khi học tập, người người phụ trách hoặc trực ban lớp học phải tập hợp bộ đội kiểm tra quân số, trang phục, vũ khí, học cụ, khám súng, sau đó báo cáo với giáo viên.

c) Phải chấp hành nghiêm kỷ luật thao trường, tập luyện nơi gần địch phải có kế hoạch sẵn sàng chiến đấu. Súng đạn, trang bị chưa dùng trong luyện tập phải có người canh gác. Hết giờ luyện tập, người chỉ huy phải tập hợp bộ đội khám súng, kiểm tra quân số, vũ khí, học cụ và các trang bị khác, báo cáo giáo viên cho bộ đội nghỉ tại thao trường.

3. Trường hợp có cấp trên của giáo viên ở đó thì giáo viên phải báo cáo cấp trên trước khi lên, xuống lớp.

Điều 53. Ăn uống

1. Người chỉ huy đơn vị tổ chức bếp ăn phải quản lý nhà ăn, nhà bếp; bảo đảm tiêu chuẩn, định lượng; ăn sạch, ăn nóng, ăn đúng giờ quy định.

a) Hàng ngày chỉ đạo trực ban, tổ kinh tế, quân y kiểm tra quân số người ăn, số lượng, chất lượng lương thực, thực phẩm sử dụng theo tiêu chuẩn, định lượng được hưởng, vệ sinh nhà bếp sạch sẽ;

b) Thực hiện kinh tế công khai hàng ngày, hàng tháng, giải quyết mọi thắc mắc đề nghị về ăn uống của quân nhân.

2. Cán bộ, chiến sỹ phục vụ nhà ăn phải nêu cao ý thức trách nhiệm phục vụ, có kế hoạch tổ chức tiếp phẩm, cải tiến kỹ thuật nấu ăn; giữ gìn vệ sinh, chăm lo bữa ăn, bảo đảm sức khỏe bộ đội.

a) Bảo quản lương thực, thực phẩm, chất đốt; cân đong, đo, đếm chính xác; có sổ ghi chép xuất, nhập đầy đủ, tránh để hao hụt, lãng phí, tham ô. Hàng ngày, tuần, tháng cùng với Hội đồng kinh tế của đơn vị tiến hành kiểm kho, báo cáo kinh tế công khai trước quân nhân.

b) Khi làm việc phải mặc quần phục công tác người đang mắc bệnh truyền nhiễm hoặc bệnh ngoài da không trực tiếp nấu ăn, chia cơm, thức ăn.

c) Đối với người ốm trại, nếu không đến nhà ăn trực nhật và quân y phải mang cơm về cho người ốm. Những xuất cơm ăn nhân viên nhà ăn phải đầy lại cẩn thận.

3. Cấm sử dụng thức ăn nấu chưa chín, ôi thiu, thịt súc vật bị bệnh, đồ hộp bị hỏng, các loại lương thực, thực phẩm của địch bỏ lại chưa được quân y kiểm tra.

a) Cấm để chất độc, vật bẩn, hôi hám vào khu thực phẩm nhà bếp, nhà ăn. Nếu dùng thuốc diệt muỗi, chuột, muỗi phải có biện pháp quản lý chặt chẽ;

b) Nước ăn, uống phải trong, sạch. Nước uống, nước nhúng bát, đũa phải được đun sôi;

c) Mỗi bữa ăn phải để lại một phần suất ăn làm lưu nghiệm do quân y quản lý, sau 24 giờ không có gì xảy ra mới bỏ đi.

4. Khi đến nhà ăn

a) Phải đúng giờ, đi ăn trước và sau giờ quy định phải được chỉ huy, trực ban đơn vị đồng ý và báo trước cho nhà bếp;

b) HSQ-BS học viên chưa phải sĩ quan, đến nhà ăn phải tập hợp đi thành đội ngũ;

c) Trước khi ăn phải nhúng bát, đũa qua nước sôi, ăn xong xếp gọn gàng bát đũa trên mặt bàn, xếp ghế vào gầm bàn trước khi rời bàn ăn.

Điều 54. Bảo quản vũ khí, khí tài, trang bị

1. Khi quân nhân được giao vũ khí, trang bị kỹ thuật phải chấp hành nghiêm chế độ bảo quản hàng ngày, tuần.

a) Hàng ngày: Vũ khí bộ binh bảo quản 15 phút, VKTB-KT khác khí tài phức tạp, bảo quản 30 phút; thời gian bảo quản vào giờ thứ 8;

b) Hàng tuần: Vũ khí bộ binh bảo quản 40 phút, VKTB-KT khác khí tài phức tạp, bảo quản từ 3 đến 5 giờ. Thời gian bảo quản vào ngày làm việc cuối tuần;

c) Sau khi bắn đạn thật phải bảo quản vũ khí theo đúng quy trình kỹ thuật.

2. Lau chùi bảo quản VKTB hàng ngày, hàng tuần do người chỉ huy trực tiếp tổ chức tiến hành, có sự hướng dẫn của nhân viên chuyên môn kỹ thuật.

Vị trí lau chùi VKTB-KT phải sạch sẽ. Có đủ bàn, bệ, dụng cụ và các điều kiện để tháo, lắp, bảo quản. Trước khi lau chùi phải khám súng.

3. Tuân thủ đúng quy tắc, quy trình tháo lắp, mức độ tháo lắp, lau chùi hàng, tuân theo quy định, đối với từng loại vũ khí, khí tài lau xong phải khám súng, kiểm tra.

Người chỉ huy phải phân công quân nhân lau chùi, bảo quản VKTB-KT của người vắng mặt.

Điều 55. Thể thao, tăng gia sản xuất

1. Hàng ngày sau giờ lau VKTB, các đơn vị phải tổ chức tập thể thao và tăng gia sản xuất cải thiện đời sống. Thời gian từ 40 đến 45 phút. Người chỉ huy cấp đại đội, trung đội và tương đương căn cứ vào tình hình cụ thể để phân chia lực lượng cho hợp lý và bố trí luân phiên trong tuần để bảo đảm mọi quân nhân đều được tập thể thao và tăng gia sản xuất.

2. Tổ chức tập thể thao buổi chiều phải căn cứ vào tình hình sân bãi và dụng cụ hiện có để sắp xếp, bảo đảm mọi quân nhân đều được tập luyện. Nội dung luyện tập theo hướng của ngành thể thao Quân đội.

Người chỉ huy phải trực tiếp tổ chức hướng dẫn tập luyện các môn tập luyện xảy ra tai nạn phải tổ chức bảo đảm an toàn.

3. Tổ chức tăng gia sản xuất cải thiện đời sống phải chặt chẽ, có kế hoạch thống nhất trong toàn đơn vị. Người chỉ huy phải căn cứ vào tình hình cụ thể của nơi đóng quân để xác định kế hoạch, chỉ tiêu tăng gia sản xuất cho đơn vị phù hợp. Quân nhân được phân công tăng gia sản xuất phải tích cực, tự giác thực hiện không được làm việc khác trong giờ tăng gia sản xuất.

Điều 56. Đọc báo, nghe tin

1. Hàng ngày trước giờ học tập, sinh hoạt tối 15 phút quân nhân đều được đọc báo, nghe tin. Việc đọc báo, nghe tin tập trung chỉ tổ chức trong các ngày sinh hoạt tối, còn các ngày khác cá nhân tự nghiên cứu.

2. Đọc báo, nghe tin tập trung tổ chức ở cấp trung đội, đại đội và tương đương. Đến giờ quy định mọi quân nhân phải có mặt ở vị trí quy định và giữ trật tự để nghe.

a) Người được phân công phụ trách đọc báo phải chuẩn bị trước để đọc lưu loát dễ nghe.

b) Người phụ trách hệ thống truyền tin trước giờ truyền tin phải kiểm tra máy móc, bảo đảm nghe tốt.

Điều 57. Điểm danh, điểm quân số

1. Hàng ngày trước giờ nghỉ phải tiến hành điểm danh, điểm quân số nhằm quản lý chặt chẽ quân số, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu.

a) Trung đội và tương đương một tuần điểm danh 02 lần, các tối khác điểm quân số;

b) Đại đội và tương đương một tuần điểm danh 01 lần;

c) Chỉ huy Tiểu đoàn và tương đương mỗi tuần dự điểm danh của một đại đội. Thời gian điểm danh điểm quân số không quá 30 phút. Điểm danh, điểm quân số cấp nào do chỉ huy cấp đó trực tiếp tiến hành.

2. Đến giờ điểm danh, điểm quân số mọi quân nhân phải có mặt tại đơn vị, phải tập hợp thành đội ngũ, trang phục đúng quy định.

a) Chỉ huy đơn vị đọc danh sách quân nhân ở từng phân đội theo quân số đơn vị quản lý (đọc cấp bậc, họ tên từng quân nhân). Quân nhân nghe đọc tên mình phải trả lời “Có”. Quân nhân vắng mặt, người chỉ huy trực tiếp của quân nhân đó trả lời “Vắng mặt” kèm theo lý do;

b) Điểm danh xong, người chỉ huy nhận xét và phổ biến công tác ngày hôm sau;

c) Khi điểm quân số cũng tiến hành như điểm danh nhưng không phải gọi tên, người chỉ huy trực tiếp kiểm tra quân số thuộc quyền. Sau đó báo cáo theo hệ thống tổ chức lên người chỉ huy điểm quân số.

Nhận báo cáo xong, chỉ huy điểm quân số có thể kiểm tra lại toàn bộ hoặc một số phân đội.

Điều 58. Ngủ, nghỉ

1. Trước giờ ngủ nghỉ, trực ban, cán bộ chỉ huy trực tiếp các phân đội phải đôn đốc mọi người chuẩn bị chăn, chiếu, mắc mànng để ngủ được đúng giờ. Đến giờ ngủ, kiểm tra việc sử dụng ánh sáng và quần áo, giày dép, trang bị để đúng nơi quy định.

2. Quân nhân khi lên giường ngủ phải để quần áo, giày dép đúng vị trí, thứ tự gọn gàng, phải trật tự yên tĩnh.

Những người có việc làm quá giờ đi ngủ phải báo cáo người chỉ huy hoặc trực ban và phải làm việc ở nơi quy định. Những người đi làm không ảnh hưởng đến giấc ngủ người khác.

Mục 3

LÀM VIỆC VÀ SINH HOẠT TRONG TUẦN

Điều 59. Chào cờ, duyệt đội ngũ

1. Cấp đại đội, Tiểu đoàn và tương đương ở các học viện nhà trường đào tạo sĩ quan, HSQ, nhân viên chuyên môn phải tổ chức chào cờ, duyệt đội ngũ vào sáng thứ hai hàng tuần.

Cơ quan trung, lữ đoàn và các đơn vị trực thuộc trung, lữ đoàn trong điều kiện đóng quân tập trung phải tổ chức chào cờ, duyệt đội ngũ chung vào thứ 2 hàng tuần, do phó trung, lữ đoàn trưởng quân sự chỉ huy. Nếu các đơn vị trực thuộc đóng quân xa cơ quan trung, lữ đoàn thì phải tổ chức chào cờ theo quy định.

2. Cấp trung đoàn và tương đương, học viện, trường, cơ quan cấp sư đoàn, các cục của cơ quan quân nhu, quân chủng, binh chủng, quân đoàn và tương đương: Cơ quan quân sự biên phòng tỉnh (thành) khi đóng quân trong doanh trại tập trung tổ chức chào cờ, duyệt đội ngũ một lần vào sáng thứ hai tuần đầu tháng.

a) Cơ quan quân khu, quân chủng, binh chủng, quân đoàn, bộ đội biên phòng và tương đương khi đóng quân trong doanh trại tập trung tổ chức chào cờ, duyệt đội ngũ toàn cơ quan một lần vào sáng thứ hai tuần đầu, tháng đầu quý, do một thủ trưởng bộ tư lệnh chỉ huy, các tháng khác do từng cục tự tổ chức một lần vào sáng thứ hai tuần đầu tháng.

b) Học viện, trường có quân số nhiều hơn đơn vị cấp Trung đoàn trước khi tổ chức chào cờ, duyệt đội ngũ, người chỉ huy phải nắm quân số, quy định vị trí tập hợp của từng cơ quan, đơn vị, quy định thứ tự duyệt đội ngũ trong diễu hành; khi chỉnh đốn hàng ngũ người chỉ huy đứng tại vị trí chỉ huy (chính giữa phía trước đội hình) chỉ huy đơn vị, không phải về bên phải đội hình chỉnh đốn hàng ngũ.

3. Cơ quan quân sự huyện (quận) đồn biên phòng tổ chức chào cờ một lần vào sáng thứ hai tuần đầu tháng.

4. Trong tuần nếu cấp trên tổ chức chào cờ toàn cơ quan, đơn vị thì cấp dưới không tổ chức chào cờ.

5. Các đơn vị đóng quân gần địch do Tư lệnh Quân khu, Quân đoàn và tương đương được quyền cho phép các đơn vị thuộc quyền không tổ chức chào cờ, duyệt đội ngũ. Nếu xét thấy không bảo đảm an toàn sẵn sàng chiến đấu của đơn vị.

6. Tất cả quân nhân, công chức Quốc phòng, công nhân viên chức Quốc phòng có mặt trong đơn vị phải tham gia chào cờ trừ người làm nhiệm vụ hoặc đau ốm được người chỉ huy trực tiếp cho phép vắng mặt, quân nhân phải tham gia duyệt đội ngũ.

a) Chào cờ duyệt đội ngũ ở cấp nào do người chỉ huy cấp đó chủ trì và điều hành.

b) Chào cờ cơ quan từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên, do phó chỉ huy kiêm tham mưu trưởng hoặc phó chỉ huy quân sự chỉ huy;

c) Đội hình chào cờ, duyệt đội ngũ thực hiện theo quy định của Điều lệnh đội ngũ.

7. Thời gian chào cờ, duyệt đội ngũ được lấy vào giờ hành chính; cấp đại đội, Tiểu đoàn và cơ quan có quân số tương đương không quá , Nhà trường 30 phút; cấp Trung đoàn và cơ quan có quân số tương đương không quá 40 phút. Đến 18 giờ trong ngày trực ban nội vụ hạ cờ xuống.

Điều 60: Thông báo chính trị

1. Đối với cấp Tiểu đoàn, đại đội độc lập và tương đương, mỗi tuần quân nhân, công chức Quốc phòng, công nhân viên chức Quốc phòng có 30 phút chính thức để nghe thông báo chính trị vào sáng thứ hai ngay sau khi kết thúc chào cờ và nhận xét tuần trước khi duyệt đội ngũ.

2. Sĩ quan, QN CN, công chức Quốc phòng, công nhân viên Quốc phòng một tháng được nghe thông báo chính trị một lần 02 giờ (không tính vào thời gian làm việc chính thức) do cấp Trung đoàn và tương đương trở lên tổ chức.

3. Nội dung thông báo chính trị do cán bộ chính trị phụ trách.

Điều 61: Tổng vệ sinh doanh trại

Mỗi tuần các đơn vị phải tổ chức và bố trí thời gian thống nhất để làm tổng vệ sinh doanh trại bảo đảm môi trường sạch đẹp.

2. Chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại

A. Phân phối thời gian

B. Làm việc và sinh hoạt trong ngày

C. Làm việc và sinh hoạt trong tuần

D. Hội họp

E. Trực ban nội vụ, trực nhật

F. Báo động luyện tập

G. Phòng gian giữ bí mật

H. Chế độ công tác của người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên

I. Đóng quân trong doanh trại

- Từng nhà ở trong doanh trại quân đội không được lập bàn thờ, tổ chức thờ cúng.
- Phòng làm việc, nhà ngủ đơn vị, cơ quan có biển tên treo ở trước cửa ra vào.
- Bàn làm việc có biển ghi tên: Cấp bậc, họ tên, chức vụ.
- Nhà ngủ của BSQ-BS bố trí theo a, b, c; Trung đội trưởng có chỗ ngủ và làm việc riêng. Chỉ huy từ cấp c và cơ quan cấp trung đoàn trở lên có nơi ngủ riêng. Bàn làm việc không để nước uống mà phải quy định nơi để nước uống riêng. Nơi làm việc có đồ dùng, tiện nghi sinh hoạt phải sắp xếp gọn gàng, trật tự. Nếu có quân nhân gái phải có phòng ngủ và nơi vệ sinh, tắm giặt riêng.

- Từng nơi làm việc của chỉ huy các cấp treo các biển bảng theo quy định.

- Phòng trực ban nội vụ treo các biển bảng theo quy định.

- Trong nhà ngủ (phòng ngủ) phải sắp xếp đồ dùng gọn gàng, thống nhất. Giường tủ kê ngay ngắn, thẳng hàng và có tem tên của từng quân nhân. Vị trí giường từng người có giá để giày (dép), ba lô, để mũ; phòng ngủ căng dây mắc màn. Tủ b có tủ súng để ở góc tường gần cửa ra vào theo vị trí của b. Vị trí để súng của từng quân nhân có tem tên. Cuốc xẻng dây lưng đeo trang bị từng người để đúng vị trí. VKTB tập thể giá hoặc sắp xếp gọn gàng đúng quy định. Trên tường treo 7 loại bảng treo do người chỉ huy từng đơn vị thống nhất.

- Ngoài hiên phía trước căng dây phơi khăn mặt.

- Ngoài sân phía sau có dây phơi quần áo, giá phơi giày, bàn lau súng, hiên phía sau căng dây phơi quần áo khi trời mưa hoặc buổi tối.

- Từng b, c phải có nơi để dụng cụ sinh hoạt và đồ dùng huấn luyện.

K. Khi đóng quân dã ngoại

Căn cứ vào điều kiện cụ thể ở từng nơi trú quân và ý định của cấp trên, chỉ huy các cấp tổ chức quy định thống nhất cách sắp xếp trật tự nội vụ theo quy định, phù hợp với điều kiện thực tế SSCĐ.

a) Trường hợp ở lán (hầm):

- Nơi ở của bộ đội phải có ván, sạp để nằm, không để bộ đội nằm trực tiếp xuống đất.

Ba lô gọn gàng, để ở vị trí nằm của từng người, chặn màn để trong ba lô, khi ngủ mới bỏ ra; xêng, cuốc BB dùng xong phải buộc dưới đáy ba lô; giày, dép không dùng đến buộc 2 bên sườn ba lô bát đĩa để đúng vị trí.

- Quần áo ngoài lúc ngủ, khi cởi ra để ở vị trí từng người.

- Từng hầm (lán) phải có dây phơi khăn mặt.

- VKTB cá nhân để trên giá súng, trang bị trên dây lưng xếp hoặc treo ở vị trí dễ lấy. Khi đi học tập, công tác súng mang theo người, ban đêm ngủ để ở vị trí nằm.

- Những đồ dùng tập thể xếp gọn, thống nhất do chỉ huy quy định.

b) Trường hợp mắc tăng, võng:

- Phải quy định đúng vị trí và thống nhất cách mắc tăng, võng tiện cho việc cơ động. Mắc tăng, võng phải có cọc phụ.

- Trang bị của từng người xếp gọn như ở lán trại.

- Khi ngủ, VKTB để cạnh vị trí nằm (vũ khí có thể trên võng).

- Khi ngủ dây chặn màn phải gấp để trong ba lô, bảo đảm SSCĐ.

L. Khi đóng quân nhà dân

- Giữ đúng kỷ luật khi quan hệ với nhân dân, tôn trọng phong tục, tập quán địa phương. Không gây phiền hà cho dân. Làm tốt công tác dân vận.

- Một gia đình của dân bố trí từ 2 quân nhân trở lên, nhưng không ở quá đông.

- Bảo đảm đủ giường, ván nằm cho bộ đội. Nếu nằm võng phải được chủ nhà đồng ý.

- Vũ khí, khí tài phải để nơi cao ráo, gọn, tiện sử dụng.

- Ba lô, quần áo sắp xếp gọn, thống nhất từng nhà. ở đông người phải làm công trình vệ sinh riêng. Nơi tắm giặt, phơi quần áo phải được quy định thống nhất, cụ thể.

- Khi di chuyển nơi khác phải trả đủ những thứ đã mượn của dân, bồi thường những thứ hỏng hoặc mất mát.

3. Đội ngũ từng người có súng

A. Động tác khám súng và khám súng xong của súng trường CKC

a) Động tác khám súng.

- Khẩu lệnh: “KHÁM SÚNG”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh: “KHÁM SÚNG” làm 3 cử động:

+ Cử động 1: Chân trái bước lên $\frac{1}{2}$ bước theo hướng trước mặt, mũi bàn chân chéch sang phải 15° làm trụ, xoay gót để thân người chéch về bên phải 45° , đồng thời tay phải đưa súng lên trước người, cánh tay cong tự nhiên. Tay trái nhanh chóng đưa lên nắm ốp lót tay dưới thước ngắm. Nòng súng chéch lên 45° , báng súng nằm sát hông bên phải.

+ Cử động 2: Tay phải rời ốp lót tay về mở hộp tiếp đạn (dùng ngón tay trỏ kéo mấu giữ hộp tiếp đạn về phía sau), tay trái vẫn giữ hộp tiếp đạn không cho nắp hộp tiếp đạn bung ra xa, tay phải đưa về nắm cổ báng súng, ngón trỏ mở khóa an toàn.

+ Cử động 3: Khi người kiểm tra đến bên phải phía sau, kết hợp 2 tay đưa súng lên tỳ để báng súng vào thắt lưng bên phải, trước bụng tay phải đưa lên nắm tay kéo bộ khóa nòng của súng (ngón tay cái hơi co lại tỳ vào tay kéo khóa nòng, bốn ngón con khép lại dọc theo bên phải thân súng), kéo bộ khóa nòng về sau hết cỡ, xoay mặt súng nghiêng sang trái. Khi nghe người kiểm tra hô “ĐƯỢC”, tay phải thả khóa nòng về trước, bóp chét cò, đóng khóa an toàn, đóng nắp hộp tiếp đạn và chuyển về nắm cổ báng súng, hai tay đưa báng súng về sát lưng bên phải.

b) Động tác khám súng xong

- Khẩu lệnh: “KHÁM SÚNG XONG” chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

- Động tác: khi nghe dứt động lệnh: “KHÁM SÚNG XONG” làm 2 cử động:

+ Cử động 1: Tay phải rời cổ báng súng đưa lên nắm ốp lót tay trên tay trái.

+ Cử động 2: Lậy mũi chân phải làm trụ, xoay gót về vị trí cũ, chân trái đưa về sát với chân phải, tay phải đặt nhẹ súng xuống, tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

B. Động tác khám súng, khám súng xong súng tiểu liên (ở tư thế mang súng)

a) Động tác khám súng

- Khẩu lệnh “KHÁM SÚNG” chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh: “KHÁM SÚNG” làm 3 cử động:

+ Cử động 1: Tay phải vuốt nhẹ theo dây súng đưa về nắm ốp lót tay, đồng thời chân trái bước lên $\frac{1}{2}$ bước theo hướng trước mặt, đặt mũi bàn chân chéch sang phải 15° . Lậy mũi bàn chân phải làm trụ, xoay gót lên, người chéch về bên phải 45° , tay phải đưa súng lên, cánh tay cong tự nhiên, đồng thời tay trái đưa lên nắm ốp lót tay, dưới thước ngắm (nắm cả dây súng). Nòng súng chéch lên 45° , báng súng sát hông phải.

+ Cử động 2: Tay phải rời ốp lót tay đưa về nắm hộp tiếp đạn lòng bàn tay quay về trước, hộ khẩu tay nắm sau sống hộp tiếp đạn, bốn ngón con khép lại nắm bên phải hộp tiếp đạn, dùng ngón con khép lại nắm bên phải hộp tiếp đạn, dùng ngón tay cái (hoặc hộ khẩu tay) ấn giữ lẫy hộp tiếp đạn rồi tháo hộp tiếp đạn ra, chuyển sang tay trái giữ hộp tiếp đạn ra chuyển sang tay trái giữ hộp tiếp đạn. Tay trái vẫn giữ ốp lót tay, dùng ngón tay giữa và ngón tay thứ tư (cạnh ngón út) kẹp hộp tiếp đạn vào bên phải ốp lót tay, miệng hộp tiếp đạn hướng vào người, sống hộp tiếp đạn hướng xuống dưới. Tay phải gạt cần điều khiển bắn về vị trí bắn rồi đưa về nắm lấy tay cầm.

+ Cử động 3: Khi người kiểm tra đến bên phải phía sau, kết hợp 2 tay đưa súng lên tỳ báng súng vào thắt lưng bên phải, trước bụng. Tay phải đưa lên nắm tay kéo bộ khóa nòng của súng (dùng ngón tay cái hơi co lại tỳ vào tay kéo khóa nòng, bốn ngón con khép lại dọc theo bên phải thân súng), kéo khóa nòng về sau hết cỡ, đồng thời hơi nghiêng mặt súng sang trái. Khi nghe người kiểm tra hô “ĐƯỢC”, tay phải thả khóa nòng về trước, bóp chét cò, gạt cần điều khiển bắn về vị trí khóa an toàn, lậy hộp tiếp đạn lắp vào súng rồi đưa về nắm tay cầm, phối hợp hai tay đưa báng súng về sát hông bên phải.

b) Động tác khám súng xong

- Khẩu lệnh: “KHÁM SÚNG XONG” chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.
- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh: “KHÁM SÚNG XONG” làm 3 cử động:
 - + Cử động 1: Lấy mũi bàn chân phải làm trụ, xoay gót về vị trí cũ, chân trái đưa về sát với chân phải, đồng thời phối hợp hai tay, xoay mũi súng xuống dưới (tay trái hơi lỏng ra để xoay hộ khẩu tay hướng lên trên, tiếp tục nắm chắc ốp lót tay). Súng dọc theo thân người cách thân người 20 cm.
 - + Cử động 2: Tay phải rời tay cầm về nắm dây súng, cách khâu đeo dây ở báng súng khoảng 30 cm (ngón tay cái hướng lên trên và ở bên trong, bốn ngón con khép lại nằm bên ngoài dây súng), kéo căng dây súng vào người, nắm cách thân người 10 cm.
 - + Cử động 3: Dùng sức đẩy của tay trái và sức xoay của tay phải đưa súng sang bên phải, ra đằng sau, quàng dây súng vào vai phải, tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

C. Nghiêm, nghỉ có súng trường

a) Động tác nghiêm

- Khẩu lệnh: “NGHIÊM” chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.
- Động tác: Cơ bản giống như động tác nghiêm không có súng, chỉ khác: Tay phải giữ súng, cánh tay duỗi thẳng tự nhiên (tùy theo người cao hay thấp mà xác định vị trí tay cầm cho thích hợp, súng trung liên nắm nòng súng và ống dẫn thoi), bàn tay giữ chắc súng, ngón tay cái ở bên trái, bốn ngón con khép lại ở bên phải. Súng thẳng đứng, bưng súng hướng thẳng về trước; đế báng súng để sát phía ngoài bàn chân phải, cạnh ngón chân út (đặt đế báng súng bằng và sát mặt đất); mũi đế báng súng ngang với đầu bàn chân phải (ngang với mũi giày).

b) Động tác nghỉ

- Khẩu lệnh: “NGHỈ” chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.
- Động tác: Cơ bản giống như động tác nghỉ không có súng, chỉ khác: Tay phải vẫn giữ súng như khi đứng nghiêm.

D. Động tác nghiêm, nghỉ có súng tiểu liên

a) Động tác nghiêm, nghỉ có súng tiểu liên (ở tư thế mang súng)

Cơ bản giống như động tác nghiêm, nghỉ không có súng, chỉ khác:

- Khi đứng nghiêm, nghỉ ở tư thế mang súng: Súng mang ở vai phải, tay phải nắm chắc dây súng (ngón tay cái ở bên trong dọc theo dây súng, bốn ngón con khép lại nắm ngoài dây súng), nắm tay phải cao ngang nắp túi áo ngực bên phải (mép trên của ngón tay trở cao ngang mép trên của nắp túi áo ngực). Cánh tay phải khép lại giữ cho súng nằm dọc theo thân người phía sau bên phải.

- Súng tiểu liên đầu nòng súng hướng xuống dưới mặt súng quay sang phải.

b) Động tác nghiêm, nghỉ khi giữ súng tiểu liên

- Động tác nghiêm: Cơ bản giống như động tác nghiêm không có súng, chỉ khác: Tay phải giữ súng ngón tay cái ở bên trái, bốn ngón con khép lại ở bên phải súng, bàn tay giữ chắc nòng súng, cánh tay duỗi thẳng tự nhiên (tùy theo người cao hay thấp mà xác định vị trí tay cầm cho thích hợp). Súng thẳng đứng, hộp tiếp đạn hướng ra trước; đế báng súng đặt sát mép ngoài bàn chân phải (đế bằng và sát mặt đất); mũi đế báng súng ngang với mũi bàn chân phải (ngang với mũi giày).

- Động tác nghỉ: Cơ bản giống như động tác nghỉ không có súng, chỉ khác: Tay phải vẫn giữ súng như khi đứng nghiêm.

c) Động tác nghiêm, nghỉ ở tư thế kẹp súng

- Khi nghiêm ở tư thế kẹp súng: Tay phải nắm tay cầm, hồ khẩu tay ở bên trên hướng ra ngoài, bằng mặt cắt tay cầm, kẹp chặt súng. Súng nằm dọc bên phải thân người, cuối hộp khóa nòng sát hông bên phải, hộp tiếp đạn hướng về phía trước, miệng nòng súng cao ngang cằm.

- Khi nghỉ ở tư thế kẹp súng: Tay phải vẫn kẹp súng như khi đứng nghiêm kẹp súng.

E. Động tác quay tại chỗ có súng trường CKC

a) Động tác quay bên phải

- Khẩu lệnh: “Bên phải – QUAY” có dự lệnh và động lệnh, “Bên phải” là dự lệnh, “QUAY” là động lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt dự lệnh “Bên phải”: Tay phải xách súng lên, súng dọc theo thân người, cánh tay hơi khép lại, đế báng súng cách mặt đất 10cm.

- Nghe dứt động lệnh “QUAY”, làm 2 cử động như động tác quay không có súng chỉ khác: Khi đã quay về hướng mới kéo chân trái lên, đồng thời đặt nhẹ súng xuống thành tư thế đứng nghiêm giữ súng.

b) Động tác quay bên trái

- Khẩu lệnh: “Bên trái – QUAY” có dự lệnh và động lệnh, “Bên trái” là dự lệnh, “QUAY” là động lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt dự lệnh “Bên trái”: Tay phải xách súng lên, súng dọc theo thân người, cánh tay hơi khép lại, đế báng súng cách mặt đất 10cm.

- Nghe dứt động lệnh “QUAY”, làm 2 cử động như động tác quay không có súng chỉ khác: Khi đã quay về hướng mới kéo chân phải lên, đồng thời đặt nhẹ súng xuống thành tư thế đứng nghiêm giữ súng.

c) Động tác quay nửa bên phải, bên trái

- Khẩu lệnh: “Nửa bên phải (trái) – QUAY” có dự lệnh và động lệnh, “Nửa bên phải (trái)” là dự lệnh, “QUAY” là động lệnh.

- Động tác: Giống như quay bên phải (trái) có súng chỉ khác: Quay người sang hướng mới 45°.

d) Động tác quay đằng sau

- Khẩu lệnh: “Đằng sau – QUAY” có dự lệnh và động lệnh, “Đằng sau” là dự lệnh, “QUAY” là động lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt dự lệnh “Đằng sau” tay phải xách súng lên, súng dọc theo thân người, cánh tay hơi khép lại, đế báng súng cách mặt đất 10cm.

Nghe dứt động lệnh “QUAY”, làm các cử động như động tác quay không có súng. Khi đã quay về hướng mới, chân phải kéo về đồng thời đặt nhẹ súng xuống thành tư thế đứng nghiêm giữ súng.

F. Động tác quay tại chỗ có súng tiểu liên

Khẩu lệnh, động tác cơ bản giống như quay tại chỗ có súng trường chỉ khác: Súng vẫn mang trên vai hoặc ở tư thế kẹp súng, tay trái để như khi đứng nghiêm.

G. Động tác sửa dây súng và sửa xong dây súng của súng trường

a) Động tác sửa dây súng

- Khẩu lệnh: “SỬA DÂY SÚNG”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “SỬA DÂY SÚNG”, làm 3 cử động:

+ Cử động 1: Chân trái bước lên ½ bước theo hướng trước mặt, mũi bàn chân chéch sang bên phải 15°, lấy mũi bàn chân phải làm trụ, xoay gót lên để thân người chéch về bên phải 45°.

+ Cử động 2: Dùng sức của tay phải hất báng súng từ dưới lên sang phải. Cánh tay dưới tay trái nhanh chóng đưa lên đỡ lấy thân súng, trên vòng cò, bàn tay trái nắm thân súng, ở ngang thước ngắm, nâng

đầu nòng súng lên. Tay phải rời ốp lót tay dùng cánh tay dưới đỡ lấy đầu nòng súng. Hai khuỷu tay co tự nhiên (gần vuông góc) súng nằm ngang trên hai cánh tay dưới, bụng súng hướng ra ngoài.

+ Cử động 3: Phối hợp hai tay sửa dây súng (thu ngắn dây súng lại hoặc nới dây súng dài ra) cho thích hợp với tư thế sử dụng súng.

Thường đo độ dài của dây súng bằng cách: Tay phải nắm chính giữa dây súng, cánh tay dưới dựng thẳng lên, treo súng ngang vuông góc với cánh tay dưới. Nếu đầu khuỷu tay chạm vào vị trí cao nhất của hộp tiếp đạn là vừa với tư thế mang súng, đeo súng. Trường hợp loại súng có khâu đeo dây ở bên má báng súng thì bàn tay trái nắm lại đặt úp lên thân súng, nắm tay chạm vào khuỷu tay là vừa.

b) Động tác sửa xong dây súng

- Khẩu lệnh: “THÔI”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “THÔI”, làm 2 cử động.

+ Cử động 1: Tay trái nắm thân súng nâng đầu súng lên, tay phải chuyển về nắm ốp lót tay.

+ Cử động 2: Lấy mũi bàn chân phải làm trụ, xoay gót chân về vị trí cũ, chân trái đưa về sát chân phải. Tay phải đặt nhẹ súng xuống, tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

H. Động tác sửa dây súng và sửa xong dây súng của súng tiểu liên AK

a) Động tác sửa dây súng

- Khẩu lệnh: “SỬA DÂY SÚNG”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “SỬA DÂY SÚNG”, làm 4 cử động:

+ Cử động 1: Tay phải vuốt nhẹ theo dây súng chuyển về nắm ốp lót tay, đưa súng ra khỏi vai thành tư thế đứng nghiêm xách súng.

+ Cử động 2: Chân trái bước lên $\frac{1}{2}$ bước theo hướng trước mặt, mũi bàn chân hướng chếch sang bên phải 15^0 , dùng mũi bàn chân phải làm trụ, xoay gót lên để thân người chếch về bên phải 45^0 .

+ Cử động 3: Dùng sức của tay phải hất báng súng từ dưới lên sang trái. Cánh tay dưới tay trái nhanh chóng đưa lên đỡ lấy báng súng, bàn tay trái nắm hộp tiếp đạn nâng đầu nòng súng lên. Tay phải rời ốp lót tay dùng cánh tay dưới đỡ lấy đầu nòng súng. Hai cánh tay co tự nhiên (gần vuông góc), súng nằm ngang trên hai cánh tay dưới, bụng súng hướng ra ngoài.

+ Cử động 4: Phối hợp 2 tay sửa dây súng cho thích hợp với tư thế sử dụng súng như sửa dây súng trường.

Thường đo độ dài của dây bằng cách: Tay phải nắm chính giữa dây súng, cánh tay dưới dựng thẳng lên treo ngang súng dưới cánh tay phải, bàn tay trái nắm lại đặt úp lên thân súng nắm tay chạm vào khuỷu tay là vừa.

b. Động tác sửa xong dây súng

- Khẩu lệnh: “THÔI”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “THÔI”, làm 4 cử động:

+ Cử động 1: Tay trái nắm hộp tiếp đạn, nâng đầu nòng súng lên, tay phải chuyển về nắm ốp lót tay.

+ Cử động 2: Lấy mũi bàn chân phải làm trụ, xoay gót về vị trí cũ, chân trái đưa về sát chân phải. Tay phải đưa súng lên dọc chính giữa thân người cách người 20cm (tính ở ngực), mặt súng quay sang phải, Tay trái đưa lên nắm ốp lót tay dưới tay phải.

+ Cử động 3: Tay phải đưa về nắm cổ báng súng, phối hợp hai tay quay mũi súng xuống dưới, báng súng lên trên, đồng thời tay trái hơi lỏng ra để xoay hồ khẩu tay hướng lên trên. Tay phải đưa về nắm dây

súng, ngón tay cái nằm dọc theo dây súng ở bên trong, bốn ngón con khép lại ở bên ngoài, ngón trỏ cách khâu đeo dây súng ở báng súng 30cm kéo căng vào người.

+ Cử động 4: Phối hợp hai tay dùng sức đẩy của tay trái và sức xoay của tay phải đưa súng sang bên phải ra sau, quàng dây súng vào vai phải, tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm mang súng.

I. Động tác đặt súng, lấy súng trường.

a) Động tác đặt súng:

- Khẩu lệnh: “ĐẶT SÚNG” chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “ĐẶT SÚNG”, làm 3 cử động:

+ Cử động 1: Tay phải giữ súng, dùng mũi để báng súng làm trụ, xoay mặt súng sang bên phải.

+ Cử động 2: Chân trái bước lên 1 bước thẳng hướng trước mặt, cúi người xuống, chân phải thẳng, chân trái chùng. Tay phải đặt nhẹ súng xuống, súng thẳng hướng về trước, tay kéo bộ khóa nòng nằm ở phía dưới, mặt súng hướng sang phải, để báng súng ngang với đầu bàn chân phải.

+ Cử động 3: Đứng thẳng người lên, chân trái đưa về sát chân phải thành tư thế đứng nghiêm.

b) Động tác lấy súng:

- Khẩu lệnh: “LẤY SÚNG” chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “LẤY SÚNG”, làm 2 cử động:

+ Cử động 1: Chân trái bước lên 1 bước, cúi người xuống, chân phải thẳng, chân trái chùng. Tay phải cầm súng ở ốp lót tay.

+ Cử động 2: Nhấc súng đứng lên, tay phải xoay mặt súng về sau, chân trái đưa về ngang với chân phải thành tư thế đứng nghiêm.

2. Động tác đặt súng, lấy súng tiểu liên (ở tư thế mang súng)

a) Động tác đặt súng

- Khẩu lệnh: “ĐẶT SÚNG” chỉ có lệnh, không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “ĐẶT SÚNG”, làm 3 cử động:

+ Cử động 1: Tay phải vuốt nhẹ theo dây súng đưa về nắm ốp lót tay, đưa súng ra khỏi vai thành tư thế xách súng.

+ Cử động 2: Chân trái bước lên 1 bước thẳng hướng trước mặt, cúi người xuống, chân phải thẳng, chân trái chùng. Tay phải đặt nhẹ súng xuống đất, súng thẳng hướng về trước, tay kéo bộ khóa nòng nằm ở phía dưới mặt súng hướng sang phải, để báng súng ngang mũi bàn chân phải.

+ Cử động 3: Đứng thẳng người lên, chân trái đưa về sát chân phải thành tư thế đứng nghiêm.

b) Động tác lấy súng

- Khẩu lệnh: “LẤY SÚNG” chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “LẤY SÚNG”, làm 3 cử động:

+ Cử động 1: Chân trái bước lên 1 bước, cúi người xuống, chân phải thẳng, chân trái chùng. Tay phải cầm súng ở ốp lót tay.

+ Cử động 2: Nhấc súng đứng thẳng người lên, chân trái đưa về sát với chân phải, tay phải đưa súng lên dọc chính giữa trước thân người, cách thân người 20 cm (tính ở ngực), nòng súng hướng lên trên, mặt súng hướng sang phải, tay trái đưa lên nắm ốp lót tay dưới tay phải.

Tay phải rời ốp lót tay đưa về nắm cổ báng súng, hộ khẩu tay hướng lên trên. Phối hợp 2 tay xoay mũi súng xuống dưới, báng súng lên trên (tay trái hơi lỏng ra, chuyển hộ khẩu tay quay lên trên). Tay phải đưa về nắm dây súng, ngón tay cái nằm dọc theo dây súng ở bên trong bốn ngón con khép lại nằm bên ngoài, ngón tay trỏ cách khâu đeo dây ở báng súng 30 cm.

+ Cách động 3: Dùng sức dây của tay trái và sức xoay của tay phải đưa súng sang bên phải về đằng sau quàng dây súng vào vai phải, tay phải nắm dây súng (ngón tay trở cao ngang mép trên nắp túi áo ngực), cánh tay khép lại giữ cho súng nằm dọc theo thân người phía sau bên phải, tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm mang súng.

K. Động tác trao súng, nhận súng trường

a) Động tác trao súng:

- Khẩu lệnh: “TRAO SÚNG”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “TRAO SÚNG”, làm 2 cử động:

+ Cử động 1: Tay phải đưa súng lên phía trước, súng dọc chính giữa thân người, cách 20cm. Khâu đeo dây súng cao ngang vai, mặt súng hướng sang bên phải, đồng thời tay đưa lên nắm ốp lót tay (nắm ở dưới tay phải) trên thước ngắm.

+ Cử động 2: Tay trái đưa súng ra trước, cánh tay thẳng, mặt súng hướng về người nhận súng đồng thời tay phải đưa về hoặc làm động tác nhận súng; trao súng xong tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

b) Động tác nhận súng:

Người nhận súng đứng đối diện cách người trao súng 2 bước (tính từ gót chân 2 người), làm 2 cử động.

+ Cử động 1: Tay phải đưa thẳng ra nhận súng, nắm ốp lót tay (nắm trên tay trái của người trao súng, trung liên nắm nòng súng và ống dẫn thoi).

+ Cử động 2: Đưa súng về tư thế giữ súng đứng nghiêm hoặc tư thế sử dụng súng.

L. Động tác trao súng, nhận súng tiểu liên

a) Động tác trao súng

- Khẩu lệnh: “TRAO SÚNG”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.

- Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “TRAO SÚNG”, làm 2 cử động:

+ Cử động 1: Tay phải vuốt nhẹ theo dây súng đưa về nắm ốp lót tay, đưa súng ra trước chính giữa thân người cách thân người 20cm, khâu đeo dây súng cao ngang vai, mặt súng hướng sang phải đồng thời tay trái đưa lên nắm ốp lót tay (dưới tay phải).

+ Cử động 2: Tay trái đưa súng ra trước, cánh tay thẳng, mặt súng hướng về người nhận đồng thời tay phải đưa về hoặc làm động tác nhận súng (nếu đổi súng); trao súng xong tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

b) Động tác nhận súng

Người nhận súng đứng đối diện cách người trao súng 2 bước (tính từ gót chân 2 người), làm 3 cử động:

+ Cử động 1: Tay phải đưa thẳng ra nhận súng, nắm ốp lót tay nắm trên tay trái của người trao súng. Đưa súng về thẳng dọc thân người, mặt súng hướng sang phải. Súng cách thân người 20cm, khâu đeo dây cao ngang vai, đồng thời tay trái đưa lên nắm ốp lót tay trên tay phải.

+ Cử động 2, 3: Như cử động 2 và 3 lấy súng tiểu liên.

4. Truyền thống, lịch sử quân binh chủng QĐNDVN

A.LỤC QUÂN

Quân chủng Lục quân Lục quân Quân đội nhân dân Việt Nam là lực lượng chính cấu thành nên quân đội nhân dân Việt Nam. Lục quân có quân số khoảng từ 400-500 ngàn người và lực lượng dự bị khoảng gần 5 triệu người chiếm đến trên 80% nhân lực của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Lục quân chiếm vị thế hết sức quan trọng trong quân đội. Do vậy, Lục quân Việt Nam chưa bao giờ được tổ chức thành

1 bộ tư lệnh riêng mà đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Quốc phòng và Bộ Tổng Tham mưu Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Tổ chức của lục quân theo binh chủng gồm có bộ binh, bộ binh cơ giới, pháo binh - tên lửa, đặc công, công binh,... Lục quân được phân làm hai lực lượng cơ bản.

Tổ chức: Lục quân chủ lực bao gồm lực lượng lục quân trực thuộc bộ và lục quân các quân khu:

- Lục quân trực thuộc bộ: gồm 4 quân đoàn bộ binh hợp thành được đánh số thứ tự 1,2,3,4, các lữ đoàn thuộc các binh chủng của Lục quân.

- Lục quân trực thuộc quân khu gồm 7 quân khu, mỗi quân khu có từ 2 - 4 sư đoàn bộ binh, một vài trung đoàn bộ binh độc lập, các trung - lữ đoàn binh chủng lục quân. Lục quân địa phương: tại các địa phương, lục quân gần như đơn thuần là bộ binh, lực lượng binh chủng rất yếu. Lục quân địa phương cũng được chia làm hai bộ phận căn bản:

- Lực lượng trực thuộc các tỉnh thành: Mỗi tỉnh có từ 1 - 2 trung đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn pháo và các đại đội binh chủng.

- Lực lượng trực thuộc các quận huyện: gồm các ban chỉ huy quân sự các quận huyện, 1 - 2 tiểu đoàn dự bị động viên, 1 trung đội - 1 đại đội bộ binh thường trực.

Quân khu

Quân khu là tổ chức quân sự có nhiệm vụ trấn giữ một địa bàn trên lãnh thổ Việt Nam. Mỗi quân khu có một số đơn vị gồm các sư đoàn và trung đoàn chủ lực. Quân khu cũng tổ chức và chỉ huy các đơn vị bộ đội địa phương và dân quân tự vệ trên địa bàn quân khu.

- Bộ tư lệnh Thủ đô Hà Nội
- Quân khu 1
- Quân khu 2
- Quân khu 3
- Quân khu 4
- Quân khu 5
- Quân khu 7
- Quân khu 9

Quân đoàn

Quân đoàn là đơn vị cơ động chiến lược của Lục quân trực thuộc Bộ Quốc phòng được bố trí để bảo vệ các vùng trọng yếu của quốc gia và thực hiện các nhiệm vụ quân sự theo sự điều động của Bộ Quốc phòng. Quân đoàn bao gồm các sư đoàn và các đơn vị nhỏ hơn.

- Quân đoàn 1
- Quân đoàn 2
- Quân đoàn 3
- Quân đoàn 4

Binh chủng

Bộ binh	Tăng-Thiết giáp	Pháo binh	Đặc công	Công binh	Quân y	Thông tin-Liên lạc	Vận tải
							
Kỹ thuật	Hóa học	Hậu cần	Quân pháp	Quân nhạc	Văn công	Thế công	Bộ binh cơ giới



Binh chủng Pháo binh

Binh chủng Pháo binh của Quân đội Nhân dân Việt Nam là binh chủng hỏa lực chủ yếu của Quân chủng Lục quân và đặt dưới sự chỉ đạo của Bộ Tổng Tham mưu Quân đội Nhân dân Việt Nam, Bộ Quốc phòng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tặng binh chủng Pháo binh 8 chữ “Chân đồng, vai sắt, đánh giỏi, bắn trúng” ngày 13 tháng 4 năm 1967.

Binh chủng Hóa học

Binh chủng Hóa học- trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam là một binh chủng chuyên môn kỹ thuật của Quân đội Nhân dân Việt Nam, có chức năng bảo đảm hóa học cho tác chiến, làm nòng cốt trong việc phòng chống vũ khí hủy diệt lớn, nguy trang bảo vệ các mục tiêu quan trọng của Quân đội, nghi binh đánh lừa địch bằng màn khói. Bộ đội Hóa học còn có thể trực tiếp chiến đấu bằng vũ khí bộ binh và súng phun lửa.

Binh chủng Công binh

Binh chủng Công binh là một binh chủng chuyên môn kỹ thuật của Quân đội Nhân dân Việt Nam, thuộc Quân chủng Lục quân Bộ Quốc phòng Việt Nam, có chức năng bảo đảm các công trình trong tác chiến, xây dựng các công trình quốc phòng và đảm bảo cầu đường cho bộ đội vận động tác chiến.

Binh chủng Tăng-Thiết giáp

Binh chủng Tăng – Thiết giáp Quân đội Nhân dân Việt Nam là một binh chủng trong tổ chức Quân đội Nhân dân Việt Nam, chịu trách nhiệm tác chiến đột kích trên bộ và đổ bộ (hải quân), được trang bị các loại xe tăng, xe thiết giáp, với hỏa lực mạnh, sức cơ động cao.

Binh chủng Thông tin liên lạc

Binh chủng Thông tin liên lạc, Quân đội Nhân dân Việt Nam là một binh chủng chuyên môn kỹ thuật của Quân đội Nhân dân Việt Nam, thuộc Quân chủng Lục quân, có chức năng bảo đảm thông tin liên lạc cho hệ thống chỉ huy trong toàn quân.

Binh chủng Đặc công

Binh chủng Đặc công là binh chủng chiến đấu đặc biệt tinh nhuệ của Lục quân Quân đội Nhân dân Việt Nam, do Bộ Tổng Tham mưu trực tiếp quản lý, chỉ đạo. Binh chủng Đặc công đã tập trung nghiên cứu, tham mưu cho Bộ Quốc phòng xây dựng và phát triển các lực lượng Đặc công theo hướng tinh, gọn, chất lượng cao.

Đây là một lực lượng đặc biệt tinh nhuệ được tổ chức, trang bị và huấn luyện đặc biệt, có phương pháp tác chiến linh hoạt, táo bạo, bất ngờ, thường dùng để đánh các mục tiêu hiểm yếu nằm sâu trong đội hình chiến đấu, bố trí chiến dịch và hậu phương của địch.

B. QUÂN CHỦNG PHÒNG KHÔNG – KHÔNG QUÂN

Quân chủng Phòng không - Không quân là một trong ba quân chủng của Quân đội Nhân dân Việt Nam trực thuộc Bộ Quốc phòng, có nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ không phận, mặt đất và biển đảo Việt Nam; cứu trợ, tìm kiếm cứu nạn và các nhiệm vụ khác.

Lịch sử hình thành

Sự ra đời của đơn vị pháo phòng không đầu tiên

Cho đến tận năm 1950, dù phần nào có những lực lượng mạnh để thực hiện tiến công chiến lược, các đơn vị của Quân đội Nhân dân Việt Nam vẫn gần như bất lực trước các hoạt động trinh sát hoặc tấn công từ trên không của người Pháp. Ngày 9 tháng 3 năm 1949, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp ra quyết định thành lập Ban Nghiên cứu Không quân thuộc Bộ Tổng Tham mưu để nghiên cứu các phương pháp chống trả.

Chỉ đến khi sau Chiến dịch Biên giới thu đông 1950, Quân đội Nhân dân Việt Nam bắt đầu có được những viện trợ quý giá từ chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, trong đó có những khẩu đội súng phòng không 12,7mm. Lực lượng Không quân Pháp sau những bất ngờ đầu tiên, vẫn duy trì được ưu thế. Tuy nhiên, không lâu sau, tháng 5 năm 1951, người Việt đã cho thành lập Đại đội 612, đơn vị phòng không đầu tiên sử dụng 4 khẩu 37mm. Ban Nghiên cứu Không quân được giải thể và hầu hết cán bộ của Ban được chuyển thuộc vào đơn vị phòng không đang được thành lập. Đến đầu năm 1953, họ đã có 8 tiểu đoàn phòng không, với 500 súng máy phòng không 12,7mm và 4 pháo cao xạ 37mm.

Ngày 1 tháng 4 năm 1953, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nhân danh Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam đã ký quyết định số 06/QĐ thành lập Trung đoàn Pháo cao xạ 367. Đây là Trung đoàn pháo Cao xạ chủ lực đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Ban chỉ huy Trung đoàn đầu tiên gồm Lê Văn Tri – Trung đoàn trưởng, Nguyễn Quang Bích - Trung đoàn phó, Đoàn Phụng - Chính ủy, Ngô Từ Vân - Phó chính ủy. Ngày 1 tháng 4 cũng trở thành ngày truyền thống của lực lượng phòng không Việt Nam.

Sau 8 tháng huấn luyện tại Trung Quốc, ngày 1 tháng 12 năm 1953, toàn bộ đội hình Trung đoàn cùng khí tài đã về nước và tập kết ở tây bắc thị xã Tuyên Quang. Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, Trung đoàn 367 trong đội hình Đại đoàn Công Pháo 351 đã góp phần không nhỏ vào việc hạn chế sự tấn công từ trên không cũng như việc tiếp tế - chuyển quân của người Pháp.

Hình thành Bộ Tư lệnh phòng không và Cục Không quân

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Đại đoàn Công pháo 351 được giải thể. Bộ Tổng tư lệnh ra Nghị định số 34/NĐA nâng cấp Trung đoàn Phòng không 367 lên thành Đại đoàn pháo cao xạ hỗn hợp 367 trực thuộc Bộ chỉ huy Pháo binh vào ngày 21 tháng 9 năm 1954. Hoàng Kiện làm Đại đoàn trưởng, Đoàn Phụng làm Chính ủy, Lê Văn Tri làm Phó tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng. Đại đoàn được biên chế các cơ quan tham mưu, chính trị, cung cấp và ba trung đoàn 681, 685, 689, trang bị pháo 88mm và 40mm. Theo quyết định của Bộ Tổng tham mưu, để giữ bí mật lực lượng, các trung đoàn 681, 685, 689 được gọi là các tiểu đoàn 12, 13, 14. Sau khi được tổ chức và huấn luyện ở Vai Cây, Thái Nguyên, đêm ngày 16 tháng 12 năm 1955, Đại đoàn 367 hành quân về tiếp quản Hà Nội.

Bên cạnh đó, ngày 3 tháng 3 năm 1955, Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 15/QĐA thành lập Ban nghiên cứu Sân bay trực thuộc Tổng Tham mưu trưởng. Ngày này về sau được lấy làm ngày thành lập Không quân Nhân dân Việt Nam. Một năm sau đó, liên tục các đoàn cán bộ, chiến sĩ thuộc Ban nghiên cứu sân bay được cử đi nước ngoài học tập. Ngày 26 tháng 1 năm 1956, Việt Nam tiếp nhận 5 máy bay đầu tiên do Trung Quốc viện trợ gồm 2 Li-2 và 3 Aero 45. Ngày 24 tháng 2 năm 1956, 2 đoàn học viên lái máy bay gồm Đoàn học máy bay tiêm kích MiG-17, gồm 50 học viên, do Phạm Dung làm Đoàn trưởng và Đoàn học máy bay ném bom Tu-2, gồm 30 học viên, do Đào Đình Luyện làm Đoàn trưởng, học tại Trường Không quân số 2 ở Trường Xuân, Trung Quốc. Trong Đoàn học Tu-2 có sáu học viên dẫn đường trên không (chuyên dẫn đường trên các loại máy bay và trực thăng) đầu tiên là: Đinh Huy Cận, Lê Thế Hưng, Nguyễn Văn Kính, Lê Liên, Lương Nhật Nguyễn và Nguyễn Cảnh Phiên.

Ngày 21 tháng 3 năm 1958, Trung đoàn ra đa cảnh giới đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam được thành lập với tên gọi Trung đoàn đối không cần vụ 260. Cùng ngày hôm đó, Bộ Quốc phòng cũng ra Nghị định 047/NĐ thành lập Bộ Tư lệnh Phòng không trên cơ sở của Sư đoàn Phòng không 367 và Trung đoàn đối không cần vụ. Trong những năm sau đó, các trung đoàn pháo phòng không được thành lập, trang bị các loại pháo 57 mm và 100 mm. Bên cạnh đó, hàng trăm cán bộ, chiến sĩ được đi học sử dụng vũ khí tên lửa phòng không tại các trung tâm huấn luyện quân sự của Liên Xô ở Leningrad, Kiev, Odessa, Minsk... để chuẩn bị cho việc hình thành các đơn vị tên lửa phòng không sau này.

Ngày 24 tháng 1 năm 1959, Bộ Quốc phòng ra nghị định thành lập Cục Không quân trực thuộc Bộ Tổng Tham mưu trên cơ sở hợp nhất các tổ chức và lực lượng của Ban Nghiên cứu sân bay và Cục Hàng không dân dụng Việt Nam. Đại tá Đặng Tính được bổ nhiệm làm Cục trưởng, Thượng tá Hoàng Thế Thiện làm Chính ủy, Trung tá Hoàng Ngọc Diêu làm Tham mưu trưởng.

Sau một năm huấn luyện, ngày 1 tháng 3 năm 1959, Trung đoàn đối không cần vụ 260 bắt đầu phát sóng. Ngày này về sau được lấy làm ngày truyền thống của Bộ đội Ra-da.

Ngày 22 tháng 4 năm 1959, Cục Không quân ra quyết định thành lập Đại đội bay gồm: Ban chỉ huy đại đội, 3 Chủ nhiệm Dẫn đường, Thông tin và Máy (kỹ thuật hàng không); 1 trung đội bay Il-14, 1 trung đội bay Li-2, 1 trung đội bay An-2 và 1 trung đội máy gồm tất cả nhân viên kỹ thuật trên không (cơ giới) và mặt đất của các loại máy bay.

Ngày 1 tháng 5 năm 1959, Trung đoàn không quân vận tải đầu tiên, Trung đoàn 919, được thành lập. Đến ngày 20 tháng 8, Trung đoàn Huấn luyện không quân 910 cũng được thành lập

Ngày 1 tháng 5 năm 1960, 6 sĩ quan và một chiến sĩ Lê Thành Chơn được triệu tập về Trường Văn hóa quân đội ở Lạng Sơn để ôn văn hóa và học tiếng Trung Quốc, chuẩn bị để đào tạo sĩ quan dẫn đường (hoa tiêu) trong lực lượng không quân. Cuối năm 1961, toàn bộ các học viên dẫn đường tốt nghiệp và về nước.

Ngày 30 tháng 5 năm 1963, Trung đoàn không quân tiêm kích 921, mật danh là Đoàn Sao Đỏ, được thành lập tại Trung Quốc, do Trung tá Đào Đình Luyện làm Trung đoàn trưởng, Thiếu tá Đỗ Long làm Chính ủy, Thiếu tá Trần Mạnh làm Trung đoàn phó, Thiếu tá Trần Văn Thọ làm Tham mưu trưởng.

Ngày 10 tháng 7 năm 1963, một đơn vị đặc biệt mang phiên hiệu Trung đoàn 228B (trùng tên với trung đoàn cao xạ 228 để giữ bí mật) được thành lập. Về thực chất đây là đơn vị các cán bộ nòng cốt để xây dựng Trung đoàn tên lửa phòng không đầu tiên.

Thành lập Quân chủng

Quân chủng Phòng không-Không quân Việt Nam được thành lập ngày 22 tháng 10 năm 1963 trên cơ sở sáp nhập Bộ Tư lệnh Phòng không và Cục Không quân.

Ngày 7 tháng 1 năm 1965, Bộ Quốc phòng ra quyết định số 03/QĐ-QP thành lập Trung đoàn cao xạ 236 ("Đoàn Sông Đà"). Thực chất, đây là trung đoàn tên lửa phòng không đầu tiên thuộc Bộ tư lệnh Phòng không - Không quân. Các cán bộ của trung đoàn đều từ đoàn 228B chuyển sang.

Ngày 6 tháng 8 năm 1964, trung đoàn tiêm kích 921 trở về nước. sau 1 năm huấn luyện, ngày 3 tháng 4 năm 1965, trung đoàn xuất kích đánh thắng trận đầu, bắn rơi 2 máy bay F-8 của Hải quân Mỹ. Ngày hôm sau, tiếp tục bắn hạ thêm 2 máy bay F-105 của Không quân Mỹ.

Ngày 22 tháng 4 năm 1965, lập Trung đoàn tên lửa 238 ("Đoàn Hạ Long") được thành lập. Ngày 19 tháng 5 năm 1965, thành lập Bộ Tư lệnh Phòng không Hà Nội (từ tháng 3 năm 1967 đổi là Sư đoàn phòng không 361) và Bộ Tư lệnh Phòng không Hải Phòng (từ tháng 3 năm 1967 đổi là Sư đoàn phòng không 363).

Ngày 4 tháng 8 năm 1965, Trung đoàn không quân tiêm kích thứ 2 là Trung đoàn 923, mật danh Đoàn Yên Thế, được thành lập, gồm 2 đại đội 17 phi công MiG-17, do Trung tá Nguyễn Phúc Trạch làm Trung đoàn trưởng, Trung tá Nguyễn Ngọc Phiếu làm Chính ủy. Không quân Việt Nam được trang bị thêm một số máy bay MiG-17F có bộ phận tăng lực.

Ngày 13 tháng 11 năm 1965, thành lập Trung đoàn tên lửa 257 ("Đoàn Cờ Đỏ"). Nay thuộc Sư đoàn phòng không 361.

Ngày 20 tháng 4 năm 1966, thành lập Trung đoàn ra đa 293, thuộc sư đoàn PK 361.

Ngày 30 tháng 5 năm 1966, thành lập 3 trung đoàn tên lửa phòng không 261 ("Đoàn Thành Loa"), 263, 267, thuộc Bộ Tư lệnh Quân chủng. Nay thuộc Sư đoàn phòng không 367.

Ngày 15 tháng 6 năm 1966, thành lập Bộ Tư lệnh Phòng không Quân khu 4.

Ngày 21 tháng 6 năm 1966, thành lập Sư đoàn phòng không 367. Tiền thân là trung đoàn pháo cao xạ 367, thành lập ngày 1 tháng 4 năm 1953, chuyển thành Đại đoàn pháo cao xạ 367 ngày 21 tháng 9 năm 1954, trước đây thuộc Bộ Tư lệnh Pháo binh, sau này tách ra đặt dưới sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Phòng không (1958).

Ngày 23 tháng 6 năm 1966, thành lập Bộ Tư lệnh Phòng không Hà Bắc, đến 16 tháng 3 năm 1967 đổi tên thành Sư đoàn phòng không 365.

Ngày 23 tháng 3 năm 1967, thành lập các Binh chủng Ra-đa, Tên lửa PK và Không quân.

Ngày 24 tháng 3 năm 1967, Sư đoàn không quân Thăng Long (phiên hiệu là Sư đoàn 371) tức Bộ tư lệnh không quân được thành lập, gồm các trung đoàn 921, 923, 919 và đoàn bay Z. Đây là Sư đoàn Không quân đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Tháng 1 năm 1968, thành lập Sư đoàn phòng không 375 thuộc Bộ Tư lệnh Quân khu 4.

Ngày 27 tháng 5 năm 1968, thành lập Sư đoàn phòng không 377.

Tháng 3 năm 1972, thành lập Trung đoàn KQ thứ 3, Trung đoàn 927 ("Đoàn Lam Sơn").

Ngày 29 tháng 3 năm 1973, thành lập Sư đoàn phòng không 673 tại Bình - Trị - Thiên.

Tách - nhập Quân chủng

Trong thời gian từ 16 tháng 5 năm 1977 đến 3 tháng 3 năm 1999, Quân chủng Phòng không-Không quân tách ra thành hai Quân chủng Phòng không và Không quân riêng biệt. Việc chia tách này phần nào áp đặt theo mô hình tổ chức của Liên Xô, vốn có lãnh thổ rộng lớn và tiềm lực quân sự mạnh, không phù hợp với đặc thù Việt Nam, có lãnh thổ nhỏ hẹp và tiềm lực quân sự yếu. Chính vì vậy, sau khi Liên Xô tan rã, mô hình 2 quân chủng cũng không còn phù hợp, cần tinh giản và gọn nhẹ trong bộ máy quản lý. Từ tháng 3 năm 1999, lại sáp nhập lại thành Quân chủng Phòng không - Không quân.

Cơ quan trực thuộc

- Văn phòng
- Thanh tra
- UBKT Đảng
- Phòng Tài chính
- Phòng Khoa học Quân sự
- Phòng Thông tin
- Phòng Điều tra hình sự
- Phòng Cứu hộ cứu nạn
- Phòng Kinh tế
- Ban QLDA VQ2
- Bộ Tham mưu
- Cục Chính trị
- Cục Hậu cần
- Cục Kỹ thuật
- Cục Phòng không Lục quân

Đơn vị trực thuộc Quân chủng

- Sư đoàn Phòng không 361 (Đoàn phòng không Hà Nội): thành lập ngày 19 tháng 5 năm 1965
- Sư đoàn Phòng không 363 (Đoàn phòng không Hải Phòng): thành lập ngày 19 tháng 5 năm 1965
- Sư đoàn Phòng không 365 (Đoàn phòng không Bắc Thái): thành lập ngày 23 tháng 6 năm 1966
- Sư đoàn Phòng không 367 (Đoàn phòng không thành phố Hồ Chí Minh): thành lập ngày 21 tháng 9 năm 1954.
- Sư đoàn Phòng không 375 (Đoàn phòng không Đà Nẵng): thành lập ngày 07 tháng 02 năm 1968
- Sư đoàn Phòng không 377 (Đoàn phòng không Khánh Hòa): thành lập ngày 27 tháng 5 năm 1968.
- Sư đoàn Không quân 371 (Đoàn Không quân Thăng Long), thành lập ngày 24 tháng 3 năm 1967.
- Sư đoàn Không quân 372 (Đoàn Không quân Hải Vân), thành lập ngày 30 tháng 10 năm 1975.





- 1975.
 - Sư đoàn Không quân 370 (Đoàn Không quân Biên Hòa), thành lập ngày 30 tháng 10 năm 1975.
 - Lữ đoàn Công binh 28 (Đoàn Công binh 19/5)
 - Lữ đoàn thông tin 26
 - Học viện Phòng không - Không quân
 - Trường Sĩ quan Không quân
 - Viện Kỹ thuật Phòng không- Không quân
 - Viện Y học Phòng không-Không quân
 - Tổng công ty Xây dựng Công trình Hàng không ACC
 - Công ty Thiết kế và Tư vấn xây dựng công trình hàng không (ADCC)

Đơn vị cơ sở trực thuộc Cục

- Nhà máy A40, Bộ Tham mưu
- Cụm Trinh sát Kỹ thuật 127, Bộ Tham mưu
- Tiểu đoàn Trinh sát, Bộ Tham mưu
- Tiểu đoàn Cảnh vệ, Bộ Tham mưu
- Bảo tàng Quân chủng, Cục Chính trị
- Báo Quân chủng, Cục Chính trị
- Xưởng In, Cục Chính trị
- Kho Xăng dầu K371, Cục Hậu cần
- Kho K10, Cục Hậu cần
- Kho K286, Cục Kỹ thuật
- Kho K332, Cục Kỹ thuật
- Kho K334, Cục Kỹ thuật
- Kho K336, Cục Kỹ thuật
- Nhà máy sửa chữa khí tài phòng không A29, Cục Kỹ thuật
- Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật
- Nhà máy sửa chữa máy bay A32, Cục Kỹ thuật
- Nhà máy sửa chữa máy bay A34, Cục Kỹ thuật
- Nhà máy A38, Cục Kỹ thuật
- Nhà máy Sửa chữa máy bay A41, Cục Kỹ thuật
- Nhà máy sửa chữa máy bay A42, Cục Kỹ thuật
- Nhà máy Thiết bị điện tử A45, Cục Kỹ thuật
- Nhà máy sửa chữa ra đa z119, cục Kỹ thuật

Các binh chủng của Phòng không-Không quân

Các binh chủng của Phòng không-Không quân

Tiêm kích	Tên lửa phòng không	Pháo phòng không	Nhảy dù	Radar
				

C. QUÂN CHŨNG HẢI QUÂN

Quân chủng Hải quân, Quân đội Nhân dân Việt Nam còn gọi là Hải quân Nhân dân Việt Nam, là một quân chủng thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam có nhiệm vụ tổ chức, chỉ huy, quản lý, xây dựng quân đội

bảo vệ vùng biển, các đảo và thềm lục địa Việt Nam; chống cướp biển, tìm kiếm cứu nạn và các nhiệm vụ khác. Cơ quan chỉ huy là Bộ Tư lệnh Hải quân.

Hải quân Nhân dân Việt Nam có các binh chủng tàu mặt nước, Hải quân đánh bộ, Tên lửa-Pháo bờ biển, Không quân Hải quân, tàu ngầm... nhưng không tổ chức bộ tư lệnh riêng. Bao gồm các cấp đơn vị: hải đoàn, hải đội, binh đoàn Hải quân đánh bộ, các binh đoàn bộ đội chuyên môn, các đơn vị bảo đảm phục vụ ra đũa, thông tin, kỹ thuật, hậu cần....

Những bước sơ khai

Ngay sau khi Cách mạng tháng 8 thành công, chính quyền Việt Minh tại nhiều tỉnh ven biển đã tổ chức các đội dân quân bảo vệ bờ biển. Nhiều chi đội Vệ quốc quân được điều về chốt giữ trên những địa bàn xung yếu. Các đơn vị sự này, tùy theo địa phương, mang tên gọi "Thủy quân" hoặc "Hải quân", với biên chế không đồng đều, trang bị cũng không thống nhất, đều chịu sự chỉ huy trực tiếp của các chỉ huy quân sự địa phương. Như tại Đà Nẵng, có tổ chức thủy quân miền Nam Trung Bộ, lực lượng gồm khoảng 400 người. Tại Hải Phòng, Bộ Tư lệnh khu Duyên Hải tổ chức Ủy ban Hải quân Việt Nam, với lực lượng chiến đấu được tổ chức thành Đại đội Ký Con với quân số gần 200 người, phương tiện hoạt động gồm một tàu nhỏ mang tên Bạch Đằng và 3 ca nô có nhiệm vụ hoạt động ở cửa biển Hải Phòng và vùng ven biển Đông Bắc. Từ đầu tháng 9 năm 1945 đến giữa tháng 5 năm 1946, các đơn vị thủy quân địa phương này tổ chức đánh nhiều trận gây thiệt hại cho quân Pháp trong quá trình tìm cách tái chiếm Đông Dương. Nhiều đơn vị đã hoạt động cho đến Chiến tranh Đông Dương kết thúc.

Sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập, ngày 22 tháng 5 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 71/SL về Quân đội Quốc gia Việt Nam, chính thức thống nhất và chính quy hóa lực lượng quân sự quốc gia. Đến ngày 19 tháng 7 năm 1946, Quyền Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Huỳnh Thúc Kháng ra Quyết định số 125/QĐ thành lập trong Quân đội Quốc gia Việt Nam ngành Hải quân Việt Nam, đặt dưới quyền Bộ Quốc phòng về phương diện quản trị và Quân sự Ủy viên hội về phương diện điều khiển. Ngày 10 tháng 9 năm 1946, Chủ tịch Quân sự Ủy viên hội Võ Nguyên Giáp ra Nghị định số 103/NĐ thành lập "Cơ quan Hải quân" (sau gọi là Hải đoàn bộ), do một Hải đoàn trưởng điều khiển trực thuộc Bộ Tổng Tham mưu. Nhiệm vụ của Hải đoàn bộ là tổ chức thủy đội tuần liêu và phòng thủ duyên hải, tập trung các nhân viên, bộ đội thủy quân đã có trong Quân đội Quốc gia Việt Nam và tuyển lựa cựu thủy binh để thành lập ngay một tổ chức Hải quân. Tuy nhiên, do tình hình chiến sự lúc đó, các quyết định trên đều chưa có điều kiện thực hiện. Đến đầu năm 1947, xét thấy không thể duy trì lực lượng hải quân, Bộ Tổng Chỉ huy Quân đội Quốc gia Việt Nam đã quyết định cho tháo gỡ máy móc, vũ khí, thiết bị và đánh đắm tàu để không lọt vào tay quân Pháp.

Ngày 8 tháng 3 năm 1949, Bộ Tổng tư lệnh Quân đội quốc gia và Dân quân Việt Nam ra Nghị định số 604/QĐ, do Đại tướng Võ Nguyên Giáp ký, thành lập Ban Nghiên cứu Thủy quân thuộc Bộ Tổng tham mưu. Ông Nguyễn Văn Khương được cử làm Trưởng ban, ông Nguyễn Việt làm Chính trị viên và ông Trần Đình Vọng làm Phó ban. Cơ quan Ban Nghiên cứu Thủy quân đóng tại phố Giàn, bên bờ sông Chảy thuộc huyện Đoan Hùng tỉnh Phú Thọ.

Ban Nghiên cứu Thủy quân có 3 ban chuyên môn là: Hàng hải, Thông tin hàng hải, Điện cơ máy nổ và các bộ phận hành chính, quân sự, hậu cần. Nhiệm vụ của Ban Nghiên cứu Thủy quân là nghiên cứu phương án xây dựng và chiến đấu của lực lượng thủy quân, phù hợp với thực tiễn hiện tại (kháng chiến chống Pháp) và trong tương lai; tập hợp đội ngũ cán bộ, công nhân viên hải quân cũ (từng phục vụ trong chính quyền thuộc địa), tạo điều kiện xây dựng cơ sở ban đầu; tuyển mộ, huấn luyện đào tạo một đội ngũ thủy quân cách mạng, trẻ, có trình độ khoa học kỹ thuật hàng hải. Trước đó, khi nghe báo cáo và đề nghị thành lập Ban Nghiên cứu Thủy quân và mở lớp thủy quân của Bộ Tổng Tham mưu, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ thị nhiệm vụ đầu tiên của Ban Nghiên cứu Thủy quân là huấn luyện xây dựng một đội du kích có khả năng hoạt động trên sông, rời từ sông mới tiến ra biển khi có điều kiện.

Tháng 2 năm 1950, khóa học thủy quân đầu tiên được khai giảng, gồm 180 học viên được tuyển chọn từ các đơn vị bộ binh, dân quân du kích vùng ven biển Đông Bắc, một số là học sinh các trường trung học ở Bắc Ninh, Bắc Giang, Phú Thọ, Vĩnh Yên, tổ chức thành một tiểu đoàn huấn luyện, do ông Trần Lưu

Thông làm Tiểu đoàn trưởng. Đội ngũ giáo viên khoảng 10 người, đều là các nhân sự từng là thủy binh trong Hải quân Pháp hoặc trong ngành hàng hải Pháp. Cả Ban Nghiên cứu Thủy quân và tiểu đoàn huấn luyện mang phiên hiệu chung là Đội sản xuất 71.

Chương trình huấn luyện thủy quân bấy giờ gồm quân sự, chính trị, chuyên môn, trong đó tập trung huấn luyện một số nội dung kỹ thuật, chiến thuật của bộ binh chiến đấu trong môi trường sông biển như bắn súng trên tàu thuyền, trên ca nô, tập bơi, lặn, tập chèo thuyền, chèo xuống, tập động tác đổ bộ (từ bờ lên thuyền và từ thuyền nhảy xuống tiếp cận bờ triển khai đội hình chiến đấu), tập sử dụng hải đồ, xác định vị trí tàu trên biển bằng phương pháp quan sát, đo đạc các mục tiêu địa văn và theo kinh nghiệm của nhân dân (nhìn trăng, sao, xem thủy triều, hướng gió...), học cách sử dụng các phương tiện thông tin đơn giản (cờ, đèn...). Trong điều kiện chiến tranh, các học cụ đều rất thô sơ và ít có điều kiện thực hành.

Khoảng vào tháng 5 năm 1950, Bộ Tổng Tham mưu ra chỉ thị chọn khoảng 100 học viên của Ban Nghiên cứu Thủy quân, đưa sang đảo Nào Châu (Điền Thuận), một hòn đảo nằm ở phía đông bán đảo Lôi Châu (Trung Quốc), bấy giờ dưới quyền quản lý chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, đồng minh thân cận với chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, để học tập nâng cao trình độ. Bộ phận khung ở lại, chiêu sinh khoảng 100 học viên để đào tạo thủy quân khóa 2. Ngày 10 tháng 8 năm 1950, Đội Thủy binh 71 được thành lập dưới sự chỉ đạo của Ban Nghiên cứu Thủy quân, đóng quân tại làng Cò, gần phố Giàn, huyện Đoàn Hùng (Phú Thọ).

Đến giữa tháng 4 năm 1951, khi khóa II vừa kết thúc được ít ngày, và các học viên học ở Trung Quốc trở về, do yêu cầu góp phần duy trì chiến tranh du kích ở vùng Đông Bắc và châu thổ duyên hải Bắc Bộ, Bộ Quốc phòng quyết định giải thể Ban Nghiên cứu Thủy quân và Đội Thủy binh 71. Phần lớn học viên khóa I và một số học viên khóa II được chuyển ra các vùng Hòn Gai, Hải Ninh, Quảng Yên, góp phần đẩy mạnh chiến tranh du kích ở các địa bàn ven biển. Một bộ phận học viên chuyển về Đại đoàn Công pháo 351 và các đại đoàn bộ binh đang trong quá trình xây dựng. Bộ phận lực lượng còn lại về nhận công tác ở các liên khu, Bộ Tổng tư lệnh, hoặc đi học ở Trường Lục quân Trần Quốc Tuấn.

Hình thành lực lượng Hải quân

Sau thắng lợi quyết định tại trận Điện Biên Phủ và Hiệp định Genève, 1954 được ký kết, để chuẩn bị cho việc tiếp quản miền Bắc Việt Nam, đầu tháng 8 năm 1954, Bộ Quốc phòng đã điều động 7 nhân sự trước đây từng ở Ban Nghiên cứu Thủy quân và Đội Thủy binh 71 về Cục tác chiến để thành lập bộ phận nghiên cứu lực lượng bảo vệ vùng biển. Tháng 1 năm 1955, thêm 4 cán bộ được bổ sung. Ông Nguyễn Bá Phát, nguyên Tham mưu trưởng Liên khu 5, Phó sư đoàn trưởng Sư đoàn 308 được giao nhiệm vụ trực tiếp phụ trách bộ phận này. Bộ phận được giao 3 nhiệm vụ chính: Thăm dò cơ sở để tổ chức lực lượng tự sản xuất phương tiện tàu, thuyền; Nghiên cứu địa hình và tình hình trên vùng ven biển miền Bắc để xác định kế hoạch bố trí lực lượng bảo vệ bờ biển; Xây dựng đề án tổ chức, xây dựng lực lượng phòng thủ bờ biển.

Sau khi kiểm soát hoàn toàn miền Bắc Việt Nam, ngày 26 tháng 4 năm 1955, Bộ Quốc phòng đã thành lập Trường Huấn luyện bờ biển để đào tạo nhân sự cho việc quản lý trên 800 km dải bờ biển miền Bắc từ Móng Cái đến vĩ tuyến 17 (Quảng Trị). Chưa đầy 2 tuần sau, ngày 7 tháng 5 năm 1955, Bộ Quốc phòng - Tổng tư lệnh ra Nghị định số 284/NĐ-A thành lập Cục Phòng thủ bờ biển. Nhiệm vụ của Cục là giúp Bộ Tổng tư lệnh chỉ đạo bộ đội phòng thủ bờ biển; đào tạo cán bộ, nhân viên, thủy thủ; sản xuất các dụng cụ, phương tiện về thủy quân; xây dựng các thủy đội phòng thủ bờ biển rồi chuyển giao cho các liên khu (sau này là quân khu). Ông Nguyễn Bá Phát được cử làm phụ trách Cục. Về sau, ngày 7 tháng 5 được chọn làm ngày thành lập của Hải quân Nhân dân Việt Nam.

Sau khi thành lập, Cục Phòng thủ bờ biển quyết định tự đóng 20 tàu gỗ 20 tấn lắp máy ô tô làm phương tiện hoạt động, bên cạnh 36 thuyền buồm và lực lượng gồm 6 tiểu đoàn, xây dựng thành lực lượng tuần duyên. Ngày 24 tháng 8 năm 1955, Bộ Quốc phòng đã thành lập hai thủy đội Sông Lô và Bạch Đằng. Đây được xem là những đơn vị chiến đấu chính quy đầu tiên của Hải quân Nhân dân Việt Nam.

Ngày 24 tháng 1 năm 1959, Cục Phòng thủ bờ biển chuyển đổi thành Cục Hải quân trực thuộc Bộ Quốc phòng. Tổ chức biên chế của Cục Hải quân gồm 5 phòng (Tham mưu, Chính trị, Hậu cần, công trình và Đo đạc biển); 5 đơn vị trực thuộc: Trường Huấn luyện bờ biển (đổi thành Trường Huấn luyện hải quân),

Đoàn 130, Đoàn 135, tiểu đoàn công binh 145 và Xưởng 46. Ngày 20 tháng 4 năm 1959, thành lập Đảng bộ Cục Hải quân trực thuộc và đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tổng Quân ủy.

Các đơn vị chiến đấu lần lượt cũng được thành lập như ngày 18 tháng 5 năm 1959, thành lập Đoàn 135 (sau này đổi thành 140), đơn vị tàu tuần tiễu; ngày 3 tháng 8 năm 1961, thành lập căn cứ Hải quân I và căn cứ Hải quân II

Đoàn tàu không số

Ngày 23 tháng 10 năm 1961, thành lập Đoàn 759 (Đoàn Vận tải Quân sự đường biển nay là Lữ đoàn 125). Nhiệm vụ chính của đơn vị này khi mới thành lập là bí mật vận tải vũ khí, cán bộ bằng đường biển (Đường Hồ Chí Minh trên biển) từ miền Bắc vào miền Nam chi viện cho Quân Giải phóng miền Nam chiến đấu trong Chiến tranh Việt Nam. Thời kỳ đó, căn cứ của lữ đoàn là bến Bính (số hiệu là K20) ở Hải Phòng. Đơn vị sử dụng các tàu vận tải cỡ nhỏ thâm nhập miền Nam tại các căn cứ ở bến Sông Gianh (Quảng Bình), Sa Kỳ (Quảng Ngãi), Vũng Rô (Phú Yên), Lộc An (Bà Rịa - Vũng Tàu), Thạnh Phong (Bến Tre) và Vàm Lũng (Cà Mau).

Trong Chiến tranh Việt Nam, đơn vị đã sử dụng các tàu vận tải cỡ nhỏ để thâm nhập vào miền Nam. Mặc dù có số hiệu đầy đủ, song để giữ bí mật, các tàu này không sơn số hiệu lên thân tàu. Vì thế, những con tàu này được biết đến với tên gọi chung là Đoàn tàu Không số.

Từ sự kiện Quảng Khê đến sự kiện Vịnh Bắc Bộ

Đầu tháng 4 năm 1961, CIA phối hợp với Sở Khai thác địa hình thuộc Phủ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa tổ chức cho điệp viên Ares thâm nhập miền Bắc Việt Nam bằng đường biển. Với lực lượng hải quân tuần tiễu còn non yếu của Hải quân Nhân dân Việt Nam, tàu Nautilus 1 của CIA dễ dàng thâm nhập bờ biển Quảng Ninh. Sau đó, tàu CIA có thêm vài lần đưa điệp viên thâm nhập hoặc tiếp tế thành công. Trên cơ sở đó, CIA quyết định tổ chức tập kích vào căn cứ hải quân Quảng Khê của Hải quân Nhân dân Việt Nam, nằm gần cửa sông Giang, thuộc tỉnh Quảng Bình. Mục tiêu là 3 chiếc tàu pháo thuộc lớp Swatow do Trung Quốc đóng. Trận tập kích diễn ra rạng sáng ngày 30 tháng 6 năm 1962, được đánh giá là thành công khi tiêu diệt được 2 tàu, nhưng cũng trả một giá rất đắt: toàn bộ thành viên tham gia tập kích đều bị giết hoặc bị bắt sống, tàu vận tải Nautilus 2 của bị tàu pháo T-161 của Hải quân Nhân dân Việt Nam tiêu diệt, chỉ duy nhất một thành viên là Nguyễn Văn Ngọc thoát được.

Ngày 3 tháng 1 năm 1964, Cục Hải quân đổi tên thành Bộ Tư lệnh Hải quân

Ngày 5 tháng 8 năm 1964, ngày đánh trả thành công chiến dịch Mũi Tên Xuyên - cuộc tập kích đầu tiên bằng không quân của Mỹ vào miền Bắc Việt Nam.

Ngày 13 tháng 4 năm 1966, thành lập Đoàn 126 (Đoàn Đặc công Hải quân nay là Lữ đoàn 126)

Cuộc chiến sau ngày thống nhất

Ngày 5 tháng 9 năm 1975, sát nhập Trung đoàn 126, Trung đoàn 46 thành Lữ đoàn 126 Hải quân đánh bộ

Ngày 13 tháng 9 năm 1975, tổ chức các đơn vị phòng thủ đảo.

Ngày 26 tháng 10 năm 1975, Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 141/QĐ-QP thành lập 5 vùng duyên hải thuộc Bộ Tư lệnh hải quân.

- Năm 1978 giải thể vùng 2 và đổi tên vùng duyên hải thành vùng hải quân.
- Ngày 5 tháng 7 năm 1978, thành lập Trung đoàn 147 Hải quân đánh bộ nay là Lữ đoàn 147
- Ngày 23 tháng 6 năm 1979, thành lập Tiểu đoàn Tên lửa 679 trực thuộc Bộ Tư lệnh Hải quân (nay là Lữ đoàn 679)
- Ngày 14 tháng 3 năm 1988, Hải quân Nhân dân Việt Nam đụng độ với Hải quân Trung Quốc tại đảo Gạc Ma, Cô Lin và Len Đao.

Hiện đại hóa trong thời kỳ mới

- Ngày 31 tháng 8 năm 1998, lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam làm lễ ra mắt.
- Tháng 11 năm 2008, lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam trở thành một lực lượng độc lập với Hải quân Nhân dân Việt Nam.

- Ngày 14 tháng 1 năm 2011, Bộ Quốc phòng ra Quyết định nâng cấp Bộ Chỉ huy Vùng Hải quân lên thành Bộ Tư lệnh Vùng Hải quân
- Ngày 3 tháng 7 năm 2013, thành lập Lữ đoàn Không quân hải quân 954, hình thành lực lượng không lực hải quân đầu tiên

Cơ quan trực thuộc

- Văn phòng
- Thanh tra
- UBKT Đảng
- Phòng Tài chính
- Phòng Khoa học Quân sự
- Phòng Thông tin
- Phòng Đối ngoại
- Phòng Điều tra hình sự
- Phòng Cứu hộ cứu nạn
- Phòng Thi hành Án
- Phòng Đăng kiểm
- Phòng Kinh tế
- Phòng Tình báo

Cơ quan chuyên môn

- Bộ Tham mưu. Thành lập ngày 24 tháng 1 năm 1959
- Cục Chính trị. Thành lập ngày 24 tháng 1 năm 1959
- Cục Hậu cần. Thành lập ngày 24 tháng 1 năm 1959
- Cục Kỹ thuật. Thành lập ngày 6 tháng 5 năm 1970

Đơn vị trực thuộc

- Bộ Tư lệnh Vùng 1
- Bộ Tư lệnh Vùng 2
- Bộ Tư lệnh Vùng 3
- Bộ Tư lệnh Vùng 4
- Bộ Tư lệnh Vùng 5
- Học viện Hải quân
- Lữ đoàn Không quân 954
- Lữ đoàn Đánh bộ 147 (Thành lập 5/7/1978)
- Lữ đoàn Đánh bộ 101
- Lữ đoàn Vận tải 125 (Thành lập 23/10/1961)
- Lữ đoàn Đặc công 126 (Thành lập 13/4/1966)
- Lữ đoàn Tàu ngầm 189
- Lữ đoàn Công binh 83
- Lữ đoàn Thông tin 602
- Hải đoàn 128
- Hải đoàn 129
- Trường Trung cấp kỹ thuật
- Viện Kỹ thuật Hải quân
- Trung đoàn đặc công tàu ngầm 196
- Viện Y học Hải quân
- Trung tâm Ra đa cảnh giới biển tầm xa (Thành lập 28/7/1997)
- Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn
- Đoàn Đo đạc biên vẽ hải đồ và Nghiên cứu biển (Đoàn 6)

Đơn vị cơ sở trực thuộc Cục

- Tiểu đoàn Phòng hóa 20, Bộ Tham mưu
- Tiểu đoàn Vệ binh, Bộ Tham mưu
- Tiểu đoàn Trinh sát, Bộ Tham mưu
- Báo Hải quân, Cục Chính trị
- Bảo tàng Quân chủng, Cục Chính trị
- Xưởng In, Cục Chính trị
- Bệnh viện quân y 87, Cục Hậu cần
- Kho K700, Cục Hậu cần
- Kho Xăng dầu, Cục Hậu cần
- Kho K711, Cục Hậu cần
- Kho K710, Cục Kỹ thuật
- Kho K714, Cục Kỹ thuật
- Kho K858, Cục Kỹ thuật
- Nhà máy X46, Cục Kỹ thuật
- Nhà máy X48, Cục Kỹ thuật
- Nhà máy X50, Cục Kỹ thuật
- Nhà máy X51, Cục Kỹ thuật
- Nhà máy X52, Cục Kỹ thuật
- Nhà máy X55, Cục Kỹ thuật
- Nhà máy X56, Cục Kỹ thuật
- Nhà máy X70, Cục Kỹ thuật

Các binh chủng của Hải quân

Tàu chiến	Hải quân Đánh bộ	Không quân Hải quân	Tên lửa Bò biển	Tàu ngầm
				

Phần 2

TÀI LIỆU THAM KHẢO PHẦN KỸ THUẬT CHIẾN ĐẤU BB VÀ CHIẾN THUẬT

1. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng lựu đạn

A. GIỚI THIỆU MỘT SỐ LOẠI LỰU ĐẠN

LỰU ĐẠN PHI 1 (Φ1)

1. Tính năng

Lựu đạn Φ1 dùng để sát thương sinh lực địch chủ yếu bằng mảnh gang vụn. Bán kính sát thương 5m. Thời gian cháy chậm từ khi phát lửa đến khi nổ khoảng 3,2s - 4,2s.

2. Cấu tạo

- Vỏ lựu đạn: bằng gang có khía tạo thành các múi. Cổ lựu đạn có ren để liên kết với bộ phận gây nổ.

- Bên trong nhồi thuốc nổ TNT.

- Bộ phận gây nổ: Lắp vào thân lựu đạn bằng ren.
- Trọng lượng toàn bộ: 450g.
- Chiều cao toàn bộ: 118mm
- Đường kính thân lựu đạn: 50mm.
- Bán kính sát thương: 5m.
- Trọng lượng thuốc nổ TNT: 45 gam.
- + Thân bộ phận gây nổ: Để chứa đầu cần bẫy (mỏ vịt), kim hoả, lò xo kim hoả và chốt an toàn, phía dưới có vòng ren để liên kết với thân lựu đạn.
- + Kim hoả và lò xo kim hoả.
- + Mỏ vịt để giữ đuôi kim hoả, bảo đảm an toàn khi lựu đạn chưa dùng.
- + Hạt lửa để phát lửa đốt cháy thuốc cháy chậm.
- + Ống chứa thuốc cháy chậm để truyền lửa vào kíp.
- + Kíp để gây nổ lựu đạn.
- + Chốt an toàn và vòng kéo.

3. Chuyển động gây nổ

- Lúc bình thường, chốt an toàn giữ mỏ vịt không cho mỏ vịt bật lên, đầu mỏ vịt giữ đuôi kim hoả, kim hoả ép lò xo lại.

- Khi rút chốt an toàn, đuôi cần bẫy bật lên, đầu cần bẫy rời khỏi đuôi kim hoả, lò xo kim hoả bung ra đẩy kim hoả chọc vào hạt lửa, hạt lửa phát lửa đốt cháy dây cháy chậm, dây cháy chậm cháy (3,2 - 4,2 giây) phụt lửa vào kíp làm kíp nổ gây nổ lựu đạn.

- Để rút chốt an toàn, phải uốn thẳng chốt an toàn, dùng lực giằng co của hai tay rút chốt an toàn. Nếu không ném lựu đạn đi thì lắp chốt an toàn.

LỰU ĐẠN CẦU VIỆT NAM

1. Tính năng

Lựu đạn cầu Việt Nam tiêu diệt sinh lực địch chủ yếu bằng mảnh gang vụn. Bán kính sát thương 5m. Thời gian cháy chậm từ khi phát lửa đến khi lựu đạn nổ 3,2s - 4,2s.

2. Cấu tạo

- Thân lựu đạn: Vỏ bằng gang có nhiều khía ở mặt trong, đường kính 50mm. Cổ vỏ lựu đạn có ren để liên kết với bộ phận gây nổ. Khi lắp bộ phận gây nổ lựu đạn dài 98mm, bên trong chứa 45g thuốc nổ TNT.

- Trọng lượng toàn bộ: 450g.
- Bộ phận gây nổ: Lắp vào thân lựu đạn bằng ren.
- + Thân bộ phận gây nổ để chứa búa, kim hoả và lò xo, kim hoả, chốt an toàn, phía trên có tai giữ đầu cần bẫy, lỗ chứa chốt an toàn, phía dưới có ren để liên kết với thân lựu đạn.
- + Kim hoả.
- + Lò xo kim hoả.
- + Cần bẫy (mỏ vịt).

+ Kíp, hạt lửa và dây cháy chậm.

+ Chốt an toàn và vòng kéo.

3. Chuyển động gây nổ

- Lúc bình thường, chốt an toàn giữ mỏ vịt không cho mỏ vịt bật lên, đầu mỏ vịt giữ đuôi kim hoả, kim hoả ép lò xo lại.

- Khi rút chốt an toàn, đuôi cần bẫy bật lên, đầu cần bẫy rời khỏi đuôi kim hoả, lò xo kim hoả bung ra đẩy kim hoả chọc vào hạt lửa, hạt lửa phát lửa đốt cháy dây cháy chậm, dây cháy chậm cháy (3,2 - 4,2 giây) phụt lửa vào kíp làm kíp nổ gây nổ lựu đạn.

LỰU ĐẠN CẦN 97 VIỆT NAM

1. Tính năng:

- Chiều cao toàn bộ 98mm. dùng để sát thương sinh lực địch chủ yếu bằng mảnh gang vụn. Bán kính sát thương 5m. Thời gian cháy chậm từ khi phát lửa đến khi nổ khoảng 3,2s - 4,2s.

2. Cấu tạo

- Thân lựu đạn: Vỏ bằng gang có nhiều khía tạo thành múi, đường kính 50mm. Cổ vỏ lựu đạn có ren để liên kết với bộ phận gây nổ. Khi lắp bộ phận gây nổ lựu đạn dài 98mm, bên trong chứa 45g thuốc nổ TNT.

- Bộ phận gây nổ. (Hình 5).

+ Thân bộ phận gây nổ: Để chứa búa và kim hoả, lò xo búa, chốt an toàn, phía trên có tai giữ đầu cần bẫy, lỗ để chứa chốt an toàn, phía dưới có ren để liên kết với thân lựu đạn.

+ Búa và kim hoả.

+ Lò xo búa.

+ Kíp, hạt lửa và dây cháy chậm.

+ Cần bẫy (mỏ vịt).

+ Chốt an toàn và vòng kéo.

3. Chuyển động gây nổ

- Lúc bình thường chốt an toàn giữ không cho cần bẫy bật lên, cần bẫy đè búa và kim hoả ngửa về sau thành tư thế giương.

- Khi rút chốt an toàn, cần bẫy bật lên rời khỏi tai giữ, lò xo đẩy búa đập về phía trước, kim hoả chọc vào hạt lửa, hạt lửa phát lửa đốt cháy dây cháy chậm, sau 3,2 - 4,2s thì phụt lửa vào kíp, kíp nổ, gây nổ lựu đạn.

B. QUY TẮC SỬ DỤNG VÀ GIỮ GÌN LỰU ĐẠN

SỬ DỤNG LỰU ĐẠN:

- Chỉ những người đã được huấn luyện, nắm vững tính năng chiến đấu, cấu tạo của lựu đạn, thành thạo động tác sử dụng mới được dùng lựu đạn; chỉ sử dụng lựu đạn khi đã kiểm tra chất lượng.

- Chỉ sử dụng lựu đạn khi có lệnh của người chỉ huy hoặc theo nhiệm vụ hiệp đồng chiến đấu. Thường chọn mục tiêu là tốp địch ngoài công sự hoặc trong ụ súng, lô cốt, đoạn hào, căn nhà có nhiều địch.

- Tuỳ theo địa hình, địa vật và tình hình địch để vận dụng các tư thế đứng, quỳ, nằm ném lựu đạn, bảo đảm tiêu diệt địch, giữ an toàn cho mình và đồng đội.
- Khi ném lựu đạn xong, phải quan sát kết quả ném và tình hình địch để có biện pháp xử lý kịp thời.
- Cấm sử dụng lựu đạn thật trong huấn luyện.
- Không dùng lựu đạn tập (có nổ hoặc không nổ) để đùa nghịch hoặc tập không có tổ chức.
- Khi tập luyện, cấm ném lựu đạn trực tiếp vào người, không đứng đối diện để ném lựu đạn trả nhau. Người nhặt lựu đạn và người kiểm tra kết quả ném lựu đạn phải đứng về một bên phía hướng ném, luôn theo dõi đường bay của lựu đạn, đề phòng nguy hiểm. Nhặt lựu đạn xong phải đem về vị trí, không được ném trả lại.

GIỮ GÌN LỰU ĐẠN

- Lựu đạn phải để nơi qui định khô ráo, thoáng gió, không để lẫn với các loại đạn, thuốc nổ, vật dễ cháy.
- Không để rơi, không va chạm mạnh.
- Các loại lựu đạn mà bộ phận gây nổ để riêng, chỉ khi dùng mới lắp vào lựu đạn. Khi chưa dùng không được mở phòng ẩm (giấy, bao ni lông hoặc hộp nhựa).- Khi mang, đeo lựu đạn không móc mỏ vịt vào thắt lưng, không rút chốt an toàn.

C. ĐỘNG TÁC ĐỨNG NÉM LỰU ĐẠN

Đứng chuẩn bị lựu đạn

- Tay trái cầm súng (cầm khoảng dưới ốp che tay) xách súng lên ngang thắt lưng, mũi súng chéch lên trên. Nếu địa hình cho phép, có thể dựa súng vào vật chắn bên trái phía trước, mặt súng quay sang phải. Tay phải lấy lựu đạn ra, bàn tay phải nắm lựu đạn (các ngón con choàng lên cần bẫy), tay trái bẻ thẳng chốt an toàn (nếu là ngòi nổ Φ -1), ngón trỏ móc vào vòng kéo, kết hợp lực giữ, kéo của hai tay rút chốt an toàn. Khi rút chốt an toàn phải rút thẳng theo hướng trục lỗ hoặc vừa xoay vừa rút chốt an toàn (nếu là ngòi lựu đạn cần 97).

Động tác đứng ném lựu đạn: Gồm 3 cử động

- Cử động 1: Chân trái bước lên (hoặc chân phải lùi về sau) một bước dài, bàn chân trái thẳng trục hướng ném, lấy mũi bàn chân trái và gót bàn chân phải làm trụ xoay người sang phải (gót trái kiếng), người hơi cúi về phía trước, gối trái khụy, chân phải thẳng.
- Cử động 2: Tay phải đưa lựu đạn xuống dưới về sau để lấy đà, người ngả về phía sau, chân trái thẳng, gối phải hơi chùng.
- Cử động 3: Dùng sức vút của cánh tay phải, kết hợp sức rướn của thân người, sức bật của chân phải để ném lựu đạn đi. Khi cánh tay phải vung lựu đạn về phía trước một góc khoảng 45° (hợp với mặt phẳng ngang), thì buông lựu đạn ra đồng thời xoay người đối diện với mục tiêu, tay trái đưa súng về phía sau cho cân bằng và bảo đảm an toàn. Chân phải theo đà bước lên một bước dài, tay phải cầm súng tiếp tục tiến, bắn hoặc ném quả khác.

Chú ý: Muốn ném lựu đạn đi được xa, trúng mục tiêu, trúng hướng, phải kết hợp được sức vút của cánh tay, sức rướn của thân người, sức bật của chân phải, khi ném lựu đạn cánh tay phải cong tự nhiên, động tác buông lựu đạn phải đúng thời cơ.

D. ĐIỀU KIỆN NÉM LỰU ĐẠN XA TRÚNG ĐÍCH

BÃI KIỂM TRA: Kẻ 3 vòng tròn đồng tâm: Vòng 1 bán kính 2m, vòng 2 bán kính 3m, vòng 3 bán kính 4m. Kẻ đường trục hướng ném: Từ tâm vòng tròn kẻ một đường trục hướng ném và vạch 3 đường ngang chia đường trục thành 3 khoảng: 25m, 30m, 35m và cắm một bia số 10 ở tâm 3 vòng tròn.

CỤ LY: 35m.

TƯ THẾ: Đứng ném tại chỗ sau vật che đỡ có súng.

SỐ LƯỢNG LỰU ĐẠN: Một quả lựu đạn.

ĐÁNH GIÁ THÀNH TÍCH

- Giỏi: Trúng vòng tròn 1 (bán kính 2m).

- Khá: Trúng vòng tròn 2 (bán kính 3m).

- Đạt: Trúng vòng tròn 3 (bán kính 4m).

2. Từng người làm nhiệm vụ canh gác

Phần I

NGUYÊN TẮC CHUNG

I. ĐẶC ĐIỂM TIẾN CÔNG CỦA ĐỊCH

A. ĐỐI TƯỢNG

Lực lượng biệt kích, thám báo của địch và đồng minh.

B. NHIỆM VỤ

Nhiệm vụ canh gác để bảo đảm an toàn cho đơn vị, phát hiện và ngăn chặn đột nhập để đơn vị xử trí, đồng thời kiểm tra người lạ mặt, những hiện tượng làm lộ bí mật.

C. YÊU CẦU CHIẾN THUẬT:

- Hiểu rõ nhiệm vụ, làm đúng chức trách.
- Nắm vững tình hình địch, ta, địa hình, nhân dân trong khu vực canh gác.
- Luôn cảnh giác, SSCĐ cao.
- Phát hiện và xử trí các tình huống chính xác kịp thời.
- Luôn giữ vững liên lạc với cấp trên và đồng đội.
- Không rời vị trí khi chưa có lệnh.

D. XỬ TRÍ CÁC TÌNH HUỐNG TRONG QUÁ TRÌNH CANH GÁC:

- Khi phát hiện lực lượng biệt kích, thám báo địch phải nhanh chóng báo cáo, bình tĩnh theo dõi hành động của địch, nếu 1 tên địch thì tìm mọi cách bắt sống. Nếu địch nhiều thì hành động theo mệnh lệnh của người chỉ huy.

- Khi địch bắt ngờ nổ súng trước: Phải hết sức bình tĩnh, dũng cảm lập tức dùng súng bắn trả, tiêu diệt kiếm chế, ngăn chặn địch để đơn vị kịp thời giải quyết.

- Khi có người qua lại: Quan sát hành động và thái độ người đó (Chú ý đề phòng bọn biệt kích, thám báo cải trang) để đến gần kiểm tra, khi kiểm tra phải ở tư thế sẵn sàng chiến đấu. Phải chú ý thái độ, nếu không có gì khả nghi thì thái độ phải nhã nhặn giải thích cho họ đi, nếu nghi ngờ phải giữ lại báo cáo cấp trên để giải quyết.

- Khi gặp các phân đội ra vào khu vực đóng quân: Phải theo dõi hành động, kịp thời báo cáo phải kiểm tra mật hiệu, số lượng tên (mật danh) người chỉ huy và phiên hiệu của đơn vị đó thời gian đi và về, cách trang bị và nguy trạng khi kiểm tra phải SSCĐ nếu đúng phân đội ta thì cho đi, nếu nghi ngờ thì giữ lại báo cáo cấp trên để giải quyết.

Phần II

THỰC HÀNH HUẤN LUYỆN CÁC VẤN ĐỀ HUẤN LUYỆN

VĐHL1: HÀNH ĐỘNG CỦA CHIẾN SĨ SAU KHI NHẬN NHIỆM VỤ

I. NGUYÊN TẮC

A. HIỂU RÕ NHIỆM VỤ

Chiến sĩ thường nhận nhiệm vụ tại thực địa. Khi nhận nhiệm vụ phải nghe rõ, nhớ kỹ. Nếu chưa rõ phải hỏi lại để cấp trên bổ sung cho đầy đủ.

Khi nhận nhiệm vụ phải hiểu rõ những điểm chính sau đây:

- Phạm vi khu vực trú quân của đơn vị, địa hình, đường xá đi lại.
- Khu vực nghi ngờ có địch, người lạ xuất hiện.
- Vị trí, phạm vi canh gác, đường đi, đường về và thời gian mình canh gác.
- Nơi canh gác, kiểm tra của đồng đội vào đơn vị bạn có liên quan.
- Những tình huống có thể xảy ra và cách xử trí.
- Mật khẩu và các liên lạc với cấp trên, bạn quân liên quan.

B. CHUẨN BỊ CANH GÁC

- Chọn vị trí gác thích hợp, phải nhìn thấy được xa và rộng, nhưng phải bảo đảm kín đáo địch khó phát hiện được ta. Báo cáo cấp trên và bắt đầu canh gác.

II. HÀNH ĐỘNG CHIẾN SĨ

- Làm tốt công tác chuẩn bị canh gác, bảo đảm an toàn mục tiêu gồm kiểm tra lại VKTB, chọn vị trí canh gác, xác định lại khu vực phạm vi quan sát...

- Báo cáo tổ trưởng.

VĐHL2: HÀNH ĐỘNG CỦA CHIẾN SĨ THỰC HÀNH CANH GÁC

I. NGUYÊN TẮC

A. HÀNH ĐỘNG KHI CANH GÁC

- Luôn ở tư thế SSCĐ khéo léo lợi dụng địa hình, địa vật xem xét nghe ngóng mọi hiện tượng nghi ngờ trước mặt và xung quanh. Đặc biệt chú ý theo dõi những địa hình địa vật thay đổi, những nơi địch dễ lợi dụng đến gần hoặc vượt qua nơi canh gác.

- Theo dõi những người lạ đi lại trong phạm vi canh gác.

B. XỬ TRÍ TÌNH HUỐNG

- Khi phát hiện địch.
- Khi địch bắt ngờ nổ súng trước.
- Khi có người qua lại.
- Khi gặp các phân đội ra vào khu vực đóng quân.

II. HÀNH ĐỘNG CỦA CHIẾN SĨ

- Chiến sĩ A cơ động đến vị trí canh gác, lợi dụng lùm cây (gốc cây) để quan sát, tập trung nhìn từ gần ra xa từ trái qua phải và ngược lại, không làm việc riêng.

- Xử trí tình huống:

+ Khi phát hiện địch kịp thời báo cáo với tổ trưởng đồng thời quan sát chặt chẽ mọi hành động của địch nếu 1 tên thì tìm mọi cách để bắt sống, nếu không bắt được thì dùng hỏa lực tiêu diệt, nếu địch nhiều thì hành động đúng theo lệnh cấp trên đã quy định.

+ Khi địch bất ngờ nổ súng trước nhanh chóng lợi dụng địa hình, địa vật kết hợp với bạn tiêu diệt địch. Báo cáo cấp trên.

+ Khi có người qua lại phải quan sát hành động và thái độ của người đó: yêu cầu người đó dừng lại và cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định canh phòng, nếu không có thì báo cáo tổ trưởng để xử lý, nếu không có gì thì cho họ đi, quá trình đó phải hết sức cảnh giác đề phòng và phải SSCĐ.

+ Khi gặp các phân đội ra vào khu vực đóng quân phải theo dõi hành động kịp thời báo cáo, đề nghị đội hình dừng lại và yêu cầu người chỉ huy phân đội cung cấp đầy đủ thông tin: mật hiệu, số lượng, mật danh người chỉ huy, phiên hiệu đơn vị, thời gian đi và về, cách trang bị và nguy trang, nếu đúng phân đội của ta thì cho đi, nếu nghi ngờ thì giữ lại báo cáo cấp trên giải quyết, quá trình đó phải SSCĐ.

- Báo cáo cấp trên.

VDHL3: HÀNH ĐỘNG CỦA CHIẾN SĨ SAU KHI HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ

I. NGUYÊN TẮC

- Khi có người thay gác phải bàn giao về tình hình trong ca gác, những nơi đặc biệt cần chú ý, nhiệm vụ, mật hiệu liên lạc, báo cáo...

- Sau đó kiểm tra súng, tháo đạn và lợi dụng đường kín đáo về phân đội.

II. HÀNH ĐỘNG CHIẾN SĨ

- Làm tốt công tác bàn giao gác: Khi có người ra thay gác, chiến sĩ phải quan sát khu vực canh gác lần cuối, kiểm tra súng, tháo đạn, bàn giao đầy đủ cho người gác tiếp theo và bàn giao những điểm cần chú ý theo dõi của ca gác trước cho người nhận gác, lợi dụng địa hình cơ động về nơi nghỉ ngơi.

- Báo cáo tổ trưởng.

GIẢNG VIÊN TỔNG HỢP

Nguyễn Hoàng Phương